



TẠP CHÍ

CƠ QUAN CỦA
BỘ THỦY SẢN

thủy sản

Số 4
2000

ISSN 0866710

Nhiệt Liệt Chào Mừng
KỶ NIỆM LẦN THỨ 55 CÁCH MẠNG THÁNG 8
VÀ QUỐC KHÁNH 2 - 9



TẠP CHÍ



thủy sản

1
1985

BỘ THỦY SẢN



■ ĐẠI HỘI THI ĐUA
NGÀNH THỦY SẢN
THÀNH CÔNG TỐT ĐẸP

■ QUA SÁU THÁNG
ĐÃ THẤY ĐÍCH 2000

■ 15 NĂM TẠP CHÍ
THỦY SẢN

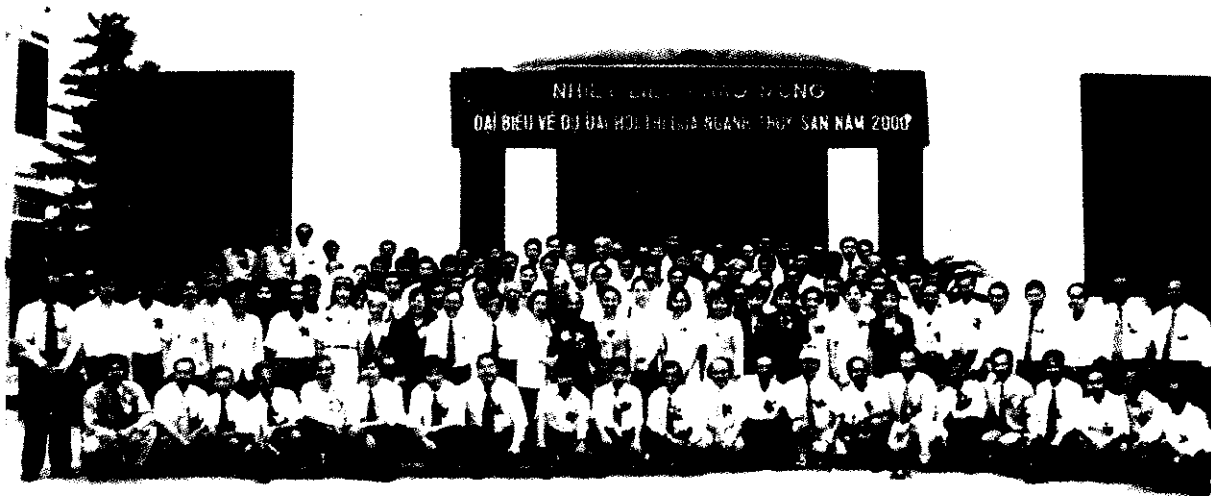
CVV 107

CVV 107

Ảnh trên : Bìa tạp chí Thủy sản
số đầu tiên

ĐẠI HỘI THI ĐUA NGÀNH THỦY SẢN CUỘC HỘI NGỘ TUNG BỪNG

● MINH QUANG



Để chào đón Đại hội thi đua của ngành và Đại hội thi đua toàn quốc năm 2000, từ thượng tuần tháng 7, cơ quan Bộ Thủy sản đã náo nức chuẩn bị cho những ngày hội lớn. Hội trường lớn và các toà nhà phụ cận như được khoác áo mới. Và ngày vui đã đến, ấy là ngày 13-14/7 năm 2000, ngày Đại hội thi đua ngành thủy sản.

250 đại biểu đại diện các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và PTNT có quản lý thủy sản, các đơn vị thủy sản từ Cà Mau tới Lạng Sơn, từ Lai Châu đến Quảng Ninh, dọc miền duyên hải từ Thanh-Nghệ-Tĩnh đến Bình-Trị-Thiên, rồi Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà... trong đó có những cá nhân, tập thể tiêu biểu cho hàng triệu ngư dân, cán bộ công nhân viên ngành thủy sản vượt trên đầu sóng ngọn gió làm nên những kì tích của thời kì đổi mới, đã về họp mặt.

Cờ, hoa, biểu ngữ đỏ rực hội trường. Rất nhiều lăng hoa của các ngành, các cấp. Nổi bật giữa hội trường, bên tượng Bác kính yêu là lăng hoa của Chủ tịch nước Trần Đức Lương gửi tặng.

Khách quý của Đại hội có Phó Thủ tướng Nguyễn Công Tạn, cùng nhiều vị đại diện các Bộ,

ban, ngành trung ương, các cơ quan thông tấn, báo chí.

Sau diễn văn khai mạc xúc tích của Bộ trưởng Tạ Quang Ngọc, Thứ trưởng Nguyễn Ngọc Hồng, Chủ tịch Hội đồng thi đua khen thưởng Bộ Thủy sản đã đọc bản báo cáo : "Tổng kết phong trào thi đua yêu nước XHCN và công tác khen thưởng thời kì đổi mới (1986-2000), phương hướng và biện pháp trong giai đoạn 2001-2005 của ngành thủy sản".

Tung bừng nhất là những phút Hội trường chứng kiến lễ trao cờ, huy hiệu và bằng Anh hùng Lao động cho ba đơn vị và hai cá nhân ngành thủy sản vừa được Nhà nước tuyên dương Anh hùng Lao động thời kì đổi mới: Nhà máy đóng tàu Sông Đào - Nam Hà - Nam Định, Công ty chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải-Hải Phòng, Công ty xuất nhập khẩu thủy sản An Giang, Anh hùng Nguyễn Văn Tân, nguyên giám đốc Công ty quốc doanh đánh cá Kiên Giang, hiện là Phó Chủ tịch tỉnh Kiên Giang, nữ Anh hùng Nguyễn Thị Hồng, thuyền trưởng tàu TG-2032 TS Tiền Giang.

Thay mặt Nhà nước, Phó Thủ tướng Nguyễn

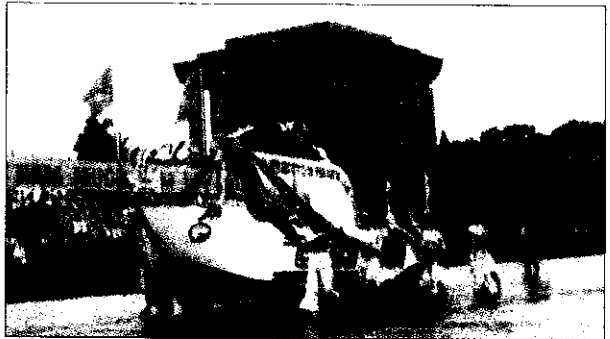
Công Tạn đã trao phần thưởng cao quý cho các anh hùng tập thể, cá nhân.

Phó Thủ tướng cũng đã chân tình chia sẻ những thành tích của ngành, đồng thời chỉ ra những công việc cần phấn đấu trong những năm tới.

Đại hội đã nghe 18 báo cáo điển hình của các Anh hùng và đơn vị Anh hùng lao động, các tấm gương lao động, sản xuất giỏi trên các lĩnh vực khai thác, nuôi trồng thủy sản, cơ khí hậu cần cho nghề cá, chế biến thủy sản tiêu thụ nội địa và xuất khẩu, nghiên cứu khoa học, đào tạo cán bộ nhân lực cho ngành. Nhiều báo cáo đã phản ánh sinh động người thực việc thực, những tấm gương quả cảm trong lao động và phòng chống thiên tai...

Xúc động biết bao là phút gặp gỡ giữa các thế hệ nghề cá, giữa các đại biểu miền núi với hải đảo, miền cực bắc Lạng Sơn, Hà Giang, Lai Châu với vùng đất mũi Kiên Giang, Cà Mau phương nam. Anh hùng Nguyễn Thị Khịu thời chống Mỹ không kìm được lòng mình khi ôm hôn nữ anh hùng thuyền trưởng Nguyễn Thị Hồng thời đổi mới. Đại biểu đơn vị anh hùng Công ty quốc doanh đánh cá Kiên Giang chúc mừng người hàng xóm Công ty XNK thủy sản An Giang cũng vừa được phong tặng đơn vị anh hùng. Và kia, giám đốc Nguyễn Văn Kịch của Cafatex Cần Thơ dường như vừa nghe tin Chủ tịch nước ký quyết định phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động cho Xí nghiệp Chế biến thủy súc sản xuất khẩu, nơi anh đã trải trở lo toan cùng đội ngũ cán bộ công nhân viên từ gần chục năm nay, đưa Cafatex trở thành Xí nghiệp dẫn đầu đồng bằng sông Cửu Long về nguồn thu ngoại tệ xuất khẩu làm giàu cho đất nước. Hướng tới Đại hội thi đua toàn quốc năm 2000, Đại hội đã thông qua quyết tâm thư thể hiện quyết tâm của những người lao động nghề cá trong phong trào thi đua yêu nước, phấn đấu hoàn thành những chỉ tiêu mà ngành đã đề ra cho 2005-2010, và những thập kỷ tới, trước mắt phấn đấu hoàn thành toàn diện, vượt mức nhiệm vụ kế hoạch năm 2000, lập thành tích chào mừng 55 năm Cách mạng tháng Tám, Quốc khánh 2/9 và chào mừng Đại hội lần thứ IX của Đảng ■

NGÀNH THỦY SẢN THAM GIA KỶ NIỆM CÁCH MẠNG THÁNG 8 VÀ QUỐC KHÁNH 2-9-2000



Một trong các hoạt động của ngành thủy sản kỷ niệm các ngày lễ lớn năm 2000 là tham gia Triển lãm Việt Nam 2000 được tổ chức từ 19/8 đến ngày 3/9/2000 tại Trung tâm triển lãm Giảng Võ, Hà Nội.

Tại triển lãm này, ngành thủy sản tham gia trưng bày tại khu nhà chính - nhà A1 - với diện tích 200m². Đây là khu vực dành cho các chủ đề: Khái quát chung về 55 năm nước Việt Nam, Kinh tế đối ngoại, An ninh quốc phòng, Công nghiệp, Nông nghiệp và Thủy sản.

Người xem sẽ thấy phần nào bức tranh toàn cảnh thủy sản Việt Nam với những thành công to lớn đạt được trong 20 năm qua, từ 1980 đến nay về các mặt sản xuất (khai thác, nuôi trồng, chế biến, xuất khẩu, dịch vụ hậu cần, nghiên cứu khoa học, đào tạo nhân lực, xây dựng hạ tầng cơ sở cho nghề cá... thông qua các panô, mô hình thể hiện sinh động, đẹp mắt. Ngoài ra, còn một khu vực trưng bày các sản phẩm thủy sản giá trị gia tăng với chất lượng cao như hàng đông lạnh, tươi sống, đóng hộp, ăn liền... được xuất khẩu đến các thị trường khác nhau trên thế giới ở khắp các châu lục. Những bể kính lớn chứa các mẫu vật sống sẽ đem lại cho người xem cảm giác thích thú và thêm tự hào về nguồn lợi thủy sản của đất nước-nguồn "biển bạc" từ bao đời nay của dân tộc.

Điểm nhấn trong phần trưng bày tại đây là sa bàn lớn thể hiện tiềm năng nguồn lợi thủy sản Việt Nam, cung cấp những thông tin bổ ích về phân bố nguồn lợi, hệ thống cảng cá, các cơ sở chế biến, các vùng nuôi thủy sản, nơi trú đậu tàu thuyền.

Để chuẩn bị cho các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn năm 2000, Bộ Thủy sản đã thành lập Ban tổ chức kỷ niệm do Thứ trưởng Nguyễn Việt Thắng làm trưởng ban. Bên cạnh việc tham gia Triển lãm Việt Nam 2000, các lực lượng trong ngành còn được huy động diễn tập chuẩn bị cho diễu hành quần chúng tại buổi lễ kỷ niệm 55 năm thành lập nước, ngày 2/9, tổ chức tại Hà Nội.

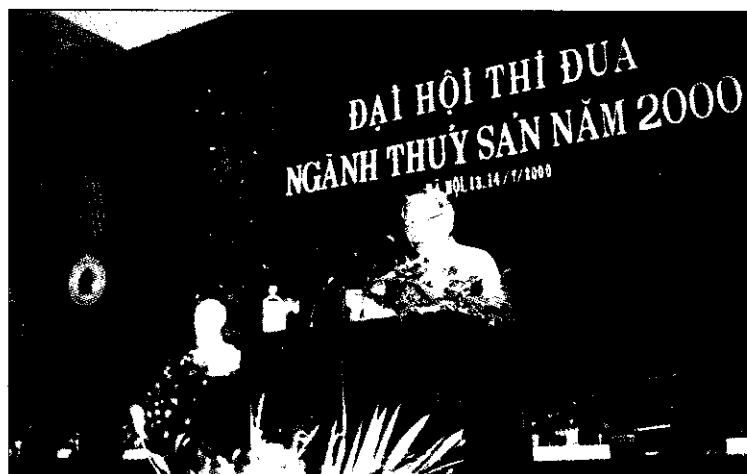
HOÀNG HÀ

Ngành thủy sản Việt Nam

SẼ PHÁT TRIỂN MẠNH MẼ HƠN NỮA, SẼ CÓ THÊM NHIỀU BÔNG HOA ĐẸP CỦA PHONG TRÀO THI ĐUA YÊU NƯỚC

● Phó thủ tướng NGUYỄN CÔNG TẬN

Đại hội thi đua ngành thủy sản vinh dự được đón Phó Thủ tướng Nguyễn Công Tận đến dự và phát biểu ý kiến. *Tạp chí Thủy sản* giới thiệu cùng bạn đọc bài phát biểu quan trọng này. Đầu đề là của Tòa soạn.



Thay mặt Chính phủ, tôi nhiệt liệt chào mừng các vị đại biểu về dự Đại hội thi đua toàn ngành thủy sản do Bộ Thủy sản tổ chức.

Trong những năm qua, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, ngành thủy sản nước ta đã thu được nhiều thành tựu to lớn và toàn diện. Đến năm 1999 sản lượng thủy sản đã đạt trên 1,8 triệu tấn, kim ngạch xuất khẩu đạt trên 970 triệu USD, năm 2000 kim ngạch xuất khẩu chắc chắn sẽ còn tăng nhiều. Trong suốt thời kì đổi mới, tổng sản lượng thủy sản tăng liên tục và ổn định khoảng 20%/năm. Thành tựu này đã góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế xã hội đất nước, nâng cao đời sống ngư dân. Đạt được thành tích to lớn này trước hết là sự cố gắng của toàn ngành thủy sản và ngư dân nước ta. Trong phong trào thi đua của toàn ngành trong những năm qua đã xuất hiện nhiều tấm gương trên các lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu hoa học, đào tạo, quản lí..., mà tiêu biểu là các đơn vị, cá nhân anh hùng lao động, chiến sĩ thi đua, các lao động giỏi, các điển hình tiên tiến xuất sắc về dự đại hội này. Thay mặt Chính phủ, tôi nhiệt liệt biểu dương chúc mừng thành tựu

của ngành và của các đơn vị, cá nhân các anh hùng lao động, chiến sĩ thi đua của ngành thủy sản nước nhà.

Những thành tựu về phát triển thủy sản

mà chúng ta đạt được trong những năm qua rất đáng trân trọng, song, so với những tiềm năng hiện có và so với thành tựu của các nước có điều kiện tương tự nước ta thì kết quả đó còn khiêm tốn. Trong những năm tới, để phát triển ngành thủy sản mạnh hơn, ngang tầm với tiềm năng hiện có, trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn trên mặt trận nông nghiệp, tạo thêm được nhiều công ăn việc làm cho người lao động, nâng cao nhanh đời sống ngư dân, đáp ứng nhu cầu thủy sản trong nước và xuất khẩu mang lại nhiều ngoại tệ cho đất nước, Chính phủ đã phê duyệt chương trình nuôi trồng thủy sản, chương trình phát triển xuất khẩu thủy sản và đề xướng chương trình đánh bắt hải sản xa bờ. Ngày 15 tháng 6 năm 2000, Chính phủ ra Nghị quyết về một số chủ trương và chính sách về chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, trong đó đã định hướng phát triển cho ngành thủy sản trong 10 năm tới. Nghị quyết đã chỉ rõ: thủy sản

là ngành sản xuất sản phẩm đậm động vật có nhu cầu ngày càng tăng ở thị trường trong nước và xuất khẩu lớn, có khả năng trở thành *ngành sản xuất có lợi thế lớn nhất của nền nông nghiệp Việt Nam*. Sản lượng thủy sản đạt 3-3,5 triệu tấn/năm, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước, nâng kim ngạch xuất khẩu vươn lên hàng đầu trong khu vực châu á. Cùng với phát triển đánh bắt xa bờ, phải tập trung đầu tư phát triển bền vững nuôi trồng thủy sản, theo định hướng lớn sau đây: Nuôi tôm là chủ lực trong nghề nuôi trồng thủy sản của nước ta. Phát triển nuôi tôm nước lợ, nước mặn (tôm sú, tôm he) và tôm nước ngọt (tôm càng xanh), kết hợp nuôi thâm canh theo kiểu công nghiệp với nuôi bán thâm canh, nuôi sinh thái, trong đó diện tích nuôi thâm canh và bán thâm canh các loại tôm nâng lên khoảng trên 100.000 ha, đưa sản lượng tôm của các loại công nghệ nuôi đạt mức khoảng trên 300.000 tấn; phát triển mạnh nuôi trồng các loại cá nước ngọt, nước lợ, nuôi biển và các loại đặc sản khác.

Để thực hiện định hướng và mục tiêu đó, tôi đề nghị Bộ Thủy sản tiếp tục phát động và tổ chức phong trào thi đua sâu rộng đến từng gia đình ngư dân, triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của Chính phủ về một số chủ trương và chính sách về chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, chương trình nuôi trồng thủy sản, chương trình phát triển xuất khẩu thủy sản, chương trình đánh bắt hải sản xa bờ. Trong đó, tập trung vào một số việc:

Xúc tiến điều tra nguồn lợi hải sản, lập bản đồ phân bố biến động đàn cá trên các ngư trường làm cơ sở cho đánh bắt xa bờ; đổi mới công nghệ và tổ chức khai thác, tạo điều kiện thuận lợi để các tàu đang đóng sớm đưa vào hoạt động; nâng cao khả năng phòng chống thiên tai, bảo vệ tính mạng và tài sản cho ngư dân.

Tiếp tục tổ chức tốt qui hoạch nuôi trồng thủy sản ở từng vùng, từng địa phương, xây dựng các dự án đầu tư phát triển nuôi trồng; tổ chức sản xuất, cung cấp đủ giống, thức ăn có chất lượng tốt, giá cả hợp lý; chỉ đạo thật tốt để đảm bảo an toàn dịch bệnh. Đẩy mạnh công tác khuyến ngư để chuyển giao công nghệ mới đến ngư dân, để ngành thủy sản được áp dụng rộng rãi những thành quả mới nhất về khoa học công nghệ sản xuất, chế biến thủy sản của thế giới.

Phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ đánh

bắt và nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản như đê bao, kênh cấp, thoát nước cấp I, cống và trạm bơm lớn, cảng cá, chợ cá và cơ sở hạ tầng kĩ thuật trong cảng cá, chợ cá quốc gia ở các vùng trọng điểm nghề cá, nâng cấp và xây dựng mới các nhà máy chế biến thủy sản.

Xây dựng và tổng kết các mô hình tổ chức đánh bắt ngoài khơi, mô hình nuôi trồng nước ngọt, nước mặn, nước lợ, nuôi biển, mô hình dịch vụ, CBXK và các điều kiện để nhân rộng các mô hình thích hợp.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các Luật và chính sách bảo vệ nguồn lợi và phát triển thủy sản. Làm thủ việc giao mặt nước biển gần bờ để bảo vệ và khai thác, khẩn trương xây dựng Luật thủy sản; chính sách hỗ trợ đầu tư, bảo lãnh tín dụng, bảo hiểm xuất khẩu ngành hàng, miễn giảm thuế sử dụng đất, mặt nước khi gặp rủi ro về thị trường và giá cả; các chính sách đẩy mạnh xuất khẩu...

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế để tranh thủ sự hợp tác và giúp đỡ về vốn; khoa học công nghệ trong các lĩnh vực khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản; đào tạo, học tập kinh nghiệm quản lí và phát triển thị trường tiêu thụ các mặt hàng thủy sản.

Tăng cường và mở rộng hình thức đào tạo trong và ngoài nước cho cán bộ nghiên cứu, cán bộ quản lí và kĩ thuật về công nghệ mới trong sản xuất giống, nuôi công nghiệp, khai thác, bảo quản sau thu hoạch và về quản lí chuyên ngành, đồng thời tăng cường đào tạo công nhân kĩ thuật về nuôi, khai thác, bảo quản chế biến và nhân viên tiếp thị.

Tiếp tục xây dựng các chính sách mới, tháo gỡ mọi ách tắc để phát huy nguồn lực các thành phần kinh tế tham gia khai thác, nuôi trồng, dịch vụ, CBXK thủy sản. củng cố và lập mới các hiệp hội ngành hàng để bảo vệ lợi ích chính đáng của người sản xuất, kinh doanh thủy sản.

Tôi tin rằng, với lợi thế to lớn về điều kiện tự nhiên, về tính năng động, sáng tạo của ngư dân Việt Nam, những tiến bộ mới và khoa học công nghệ mới, với những chủ trương, chính sách khuyến khích phát triển thủy sản của Đảng và Nhà nước ta, ngành thủy sản Việt Nam sẽ phát triển mạnh mẽ hơn nữa, sẽ có thêm nhiều bông hoa đẹp của phong trào thi đua trong toàn ngành, xứng đáng với lòng tin cậy của Đảng, Chính phủ và nhân dân ta.

Xin chúc các vị đại biểu mạnh khỏe và hạnh phúc, chúc Đại hội thành công tốt đẹp ■

NHỮNG TẤM GUƠng LAO ĐỘNG

NGÀNH THỦY SẢN TRONG THỜI KÌ ĐỔI MỚI (1989-2000)

ĐƠN VỊ ANH HÙNG:

- **Công ty quốc doanh đánh cá Kiên Giang:** Huân chương Lao động hạng nhất, nhì, ba. Huân chương Quân công hạng 3. Huân chương Chiến công hạng nhất. Huân chương Độc lập hạng 3. Cờ Thi đua luân lưu của Chính phủ từ 1991-1999. Được Nhà nước phong tặng đơn vị Anh hùng Lao động năm 1996.

- **Nhà máy đóng tàu Sông Đào Nam Hà, tỉnh Nam Định:** Huân chương Lao động hạng 2, 3. Huân chương Chiến công hạng 3. Cờ Thi đua luân lưu của Chính phủ năm 1998. Được Nhà nước phong tặng đơn vị Anh hùng Lao động tháng 2 năm 2000.

- **Công ty xuất nhập khẩu thủy sản An Giang:** Huân chương Lao động hạng 3. Cờ Thi đua luân lưu của Chính phủ năm 1996, 1997, 1998. Được Nhà nước phong tặng đơn vị Anh hùng Lao động tháng 4 năm 2000.

- **Công ty chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải - Hải Phòng:** Huân chương Lao động hạng 1, 2, 3. Huân chương Chiến công hạng 3. Cờ Thi đua luân lưu của Chính phủ năm 1998, 1999. Được Nhà nước phong tặng đơn vị Anh hùng Lao động tháng 5 năm 2000.

- **Xí nghiệp chế biến thủy súc sản xuất khẩu Cần Thơ (CAFATEX):** Huân chương Lao động hạng 1, 2. Cờ Thi đua luân lưu của Chính phủ. Được Nhà nước phong tặng đơn vị Anh hùng Lao động tháng 7 năm 2000.

CÁ NHÂN ANH HÙNG:

- **Nguyễn Văn Tân,** nguyên giám đốc Công ty quốc doanh đánh cá Kiên Giang hiện là Phó chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang: Huân chương Lao động hạng nhất. Được Nhà nước phong tặng Anh hùng Lao động tháng 4 năm 2000.

- **Nguyễn Thị Hồng,** thuyền trưởng tàu TG-2032TS Tiền Giang: Huân chương Lao động hạng 3. Được Nhà nước phong tặng Anh hùng Lao động tháng 4 năm 2000.

NHỮNG ĐƠN VỊ VÀ CÁ NHÂN ĐƯỢC NGÀNH THỦY SẢN ĐỀ NGHỊ NHÀ NƯỚC PHONG TẶNG DANH HIỆU ANH HÙNG LAO ĐỘNG, CHIẾN SĨ THI ĐUA TOÀN QUỐC

- **Ngành thủy sản Sóc Trăng.**
- **Công ty thực phẩm XNK tổng hợp Sóc Trăng.**
- **Công ty XNK thủy đặc sản** - Tổng công ty thủy sản Việt Nam.
- **Công ty XNK thủy sản miền Trung** - Tổng công ty thủy sản Việt Nam.
- **Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I.**
- **Trần Mai Thiên,** Viện trưởng Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I.
- **Nguyễn Văn Kịch,** giám đốc Xí nghiệp chế biến thủy súc sản xuất khẩu Cần Thơ
- **Lê Trọng Cừ,** giám đốc Nhà máy đóng tàu Sông Đào, Nam Hà - Nam Định
- **Phạm Mạnh Hoạt,** giám đốc C.ty XNK thủy sản miền Trung.
- **Huỳnh Văn Gành,** giám đốc Sở Thủy sản Kiên Giang.
- **Ngô Phước Hậu,** giám đốc Công ty XNK thủy sản An Giang.
- **Nguyễn Tử Cường,** giám đốc Trung tâm kiểm tra chất lượng và vệ sinh thủy sản-Bộ Thủy sản.
- **Bùi Hồng Hà,** phó giám đốc Công ty XNK thủy sản An Giang.
- **Nguyễn Hưng Điền,** giám đốc Trung tâm nghiên cứu thủy sản III - Bộ Thủy sản.
- **Nguyễn Quốc Khánh,** giám đốc Công ty phát triển NLTS - Công ty XNK thủy sản Miền Trung.
- **Chu Văn Tích,** quyền Chánh Thanh tra Bộ Thủy sản.
- **Nguyễn Thanh Khiết,** quyền giám đốc Công ty thủy sản XNK tổng hợp Sóc Trăng.
- **Lê Văn Năm,** giám đốc C.ty quốc doanh đánh cá Kiên Giang.
- **Võ Văn Kiều,** thuyền trưởng Công ty Quốc doanh đánh cá Kiên Giang.
- **Hồ Quốc Lực,** giám đốc Công ty thực phẩm XNK tổng hợp Sóc Trăng.
- **Trần Đình Sơn,** giám đốc Công ty dịch vụ khai thác thủy sản Vũng Tàu.
- **Châu Minh Tâm,** giám đốc Công ty XNK thủy sản Kiên Giang.
- **Lâm Thanh Tuấn,** ngư dân ấp Hoà Đăng, xã Ngọc Đông, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.
- **Nguyễn Văn Tĩnh,** phó giám đốc Nhà máy đóng tàu Sông Đào, Nam Hà - Nam Định.

NGÀNH THỦY SẢN

SƠ KẾT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ BÀN BIỆN PHÁP HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ NĂM 2000

Ngày 14/7/2000, Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm và triển khai công tác 6 tháng cuối năm 2000 của Bộ Thủy sản đã được tổ chức tại Hà Nội. Tham dự hội nghị có lãnh đạo Bộ, lãnh đạo các vụ, viện, cơ quan trực thuộc Bộ, các tổng công ty, các trường, trung tâm, cùng lãnh đạo các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (có quản lý thủy sản) trong cả nước. Tại hội nghị, các đại biểu đã nghe báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm và bàn biện pháp hoàn thành nhiệm vụ năm 2000 của ngành, đã nghe ý kiến đóng góp của các đơn vị. Kết thúc hội nghị, Bộ trưởng Tạ Quang Ngọc đã phát biểu ý kiến tổng kết.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU 6 THÁNG ĐẦU NĂM

Chỉ tiêu	đơn vị tính	Kế hoạch năm 2000	Ước thực hiện 6 tháng	% thực hiện so với	
				Kế hoạch	Năm 1999
I. Tổng sản lượng	Tấn	1.940.000	976.770	50,35	110,64
Trong đó:					
Khai thác hải sản		1.220.000	650.770	53,34	107,06
Nuôi, khai thác nội địa		720.000	326.000	45,28	118,55
II. Xuất khẩu	1.000 USD	1.100.000	551.000	50,09	134,29
Giá trị ngoại tệ					
III. Diện tích nuôi	Ha	630.000	640.000	101,58	101,58
Trong đó:					
Diện tích nuôi tôm sú		200.000	220.000	110,00	107,31
IV. Năng lực khai thác	Cái CV		73.500		100,14
- Số lượng tàu thuyền			2.646.000		105,06
- Công suất tàu thuyền					

CÁC HOẠT ĐỘNG 6 THÁNG CUỐI NĂM

1. Chỉ đạo toàn ngành phấn đấu hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2000

2. Thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản, đưa 7 cảng ADB vào bàn giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, chuẩn bị các dự án đầu tư năm 2001.

3. Trình Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt qui hoạch tổng thể ngành, triển khai các qui hoạch nuôi tôm, qui hoạch đầu tư nuôi trồng thủy sản đồng bằng sông Cửu Long, qui hoạch thủy lợi cho nuôi tôm tại đồng bằng này và qui hoạch chuyển đổi diện tích lúa sang nuôi trồng thủy sản.

4. Tiếp tục đưa Luật Doanh nghiệp vào các hoạt động của địa phương và cơ sở.

5. Triển khai chương trình nuôi trồng thủy sản, ban hành thông tư liên tịch hướng dẫn chương trình nuôi trồng thủy sản.

6. Cùng cố tổ chức khuyến ngư ở Bộ Thủy sản, tổng kết 5 chương trình khuyến ngư trọng điểm 1996-2000, xây dựng chương trình khuyến ngư thời kỳ 2001-2005.

7. Đôn đốc các địa phương hoàn thành các đề án phát triển thủy sản tại địa phương theo hướng dẫn tại văn bản số 1050/TS-KHĐT ngày 14/4/2000 và văn bản số 1534/TS-KHĐT ngày 23/5/2000 của Bộ Thủy sản.

8. Hoàn thành đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ 5 năm 1996-2000 và xây dựng kế hoạch 5 năm 2001-2005, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội ngành thủy sản năm 2001. Lập dự toán ngân sách năm 2001.

9. Ban hành thông tư hướng dẫn Nghị định của Chính phủ về quản lý hoạt động khai thác thủy sản tại các ngư trường.

10. Tiếp tục thực hiện dự án xây dựng Luật Thủy sản.

11. Trình Chính phủ:

- Nghị định mới sửa đổi Nghị định 50CP về chức năng nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Bộ Thủy sản.

- Chính sách trợ giá giống nuôi trồng thủy sản.

- Chính sách hỗ trợ rủi ro trong nuôi trồng thủy sản.

- Đề án đội tàu dịch vụ hậu cần nghề

- cá phục vụ ngư dân khai thác hải sản xa bờ.

- Đề án thông tin cứu nạn chuyên ngành thủy sản.

- Đề án xây dựng hệ thống các khu bảo tồn biển, qui chế quản lý các khu bảo tồn biển.

- Qui hoạch hệ thống neo đậu phòng tránh bão cho tàu thuyền đánh cá.

- Đề án đào tạo thuyền viên cho chương trình khai thác hải sản xa bờ.

12. Thực hiện nghiêm chỉnh Quyết định 19 của Chính phủ loại bỏ một số loại giấy phép đi đối với nâng cao hiệu lực quản lý của nhà nước, thiết lập trật tự kỷ cương, ngăn ngừa mọi hành vi vi phạm pháp luật trong sản xuất kinh doanh. Rà soát, kiến nghị bãi bỏ tiếp hoặc chuyển thành điều kiện kinh doanh của một số giấy phép khác. Trình Chính phủ ban hành Nghị định về điều kiện kinh doanh thủy sản và xây dựng thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định.

13. Triển khai các hợp phần hỗ trợ phát triển ngành thủy sản.

14. Tiếp tục cải cách hành chính và đổi mới lề lối làm việc trong ngành, nâng cao chất lượng xây dựng các văn bản qui phạm pháp luật, thực hiện việc rà soát chức năng nhiệm vụ của các đơn vị theo Nghị định sửa đổi Nghị định 50CP.

15. Chuẩn bị tổ chức Hội chợ triển lãm VIET-FISH lần thứ 3 của ngành.

16. Tổ chức Đại hội thi đua ngành thủy sản vào tháng 7/2000, tiến tới Đại hội thi đua toàn quốc vào cuối năm 2000.

17. Tổ chức hoạt động của tổ công tác 579, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Ban Biên giới Chính phủ thực hiện các vòng đàm phán hợp tác đánh cá chung trong vịnh Bắc bộ với Trung Quốc.

18. Sơ kết 3 năm thực hiện Chỉ thị 01/1998/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về cấm sử dụng chất nổ, xung điện và chất độc để khai thác thủy sản.

19. Tổ chức Hội nghị tổng kết thực hiện kế hoạch 5 năm 1996-2000, bản biện pháp thực hiện kế hoạch 5 năm 2001-2005 và kế hoạch năm 2001. ■

GIỚI THIỆU VĂN BẢN

NGHỊ QUYẾT CỦA CHÍNH PHỦ VỀ MỘT SỐ CHỦ TRƯỞNG VÀ CHÍNH SÁCH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

NGÀY 15/6/2000, CHÍNH PHỦ RA NGHỊ QUYẾT 09/2000/NQ-CP. ĐÂY LÀ NGHỊ QUYẾT QUAN TRỌNG CÓ TÍNH ĐỊNH HƯỚNG CHO HOẠT ĐỘNG NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN TRONG GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN MỚI. CHÚNG TÔI TRÍCH ĐĂNG PHẦN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN THỦY SẢN ĐỂ GIỚI THIỆU CÙNG BẠN ĐỌC.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng trong những năm qua, sản xuất nông nghiệp (nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản) nước ta liên tiếp thu được nhiều thành tựu to lớn. Thành tựu lớn nhất là trong một thời gian không dài, từ một nền nông nghiệp tự cấp, tự túc, lạc hậu vươn lên trở thành một nền nông nghiệp hàng hóa, đảm bảo an toàn lương thực quốc gia và có tỉ suất hàng hoá ngày càng lớn, có vị thế đáng kể trong khu vực và thế giới. Nước ta đã trở thành một trong những nước đứng đầu thế giới về xuất khẩu 4 mặt hàng: gạo, cà phê, điều, hạt tiêu.

Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới, nền nông nghiệp Việt Nam phải tiếp tục giải quyết nhiều vấn đề vừa cơ bản, vừa bức xúc, nhằm đáp ứng nguyện vọng của nông dân và lợi ích của đất nước.

VỀ CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

Phát huy lợi thế to lớn của nền nông nghiệp nước ta về tiềm năng thiên nhiên, về truyền thống làm nông nghiệp từ lâu đời, về tính cần cù, năng động, sáng tạo của nông dân, nhằm mục tiêu xây dựng một nền nông nghiệp mạnh, phát triển bền vững, được áp dụng công nghệ cao, công nghệ mới, từng bước được hiện đại hóa, vươn lên trở thành một nền nông nghiệp với những ngành sản xuất hàng hóa lớn, có sức cạnh tranh ngày càng cao trong quá trình hội nhập quốc tế, có năng suất và thu nhập cao trên một đơn vị diện tích, đáp ứng nhu cầu lương thực, thực phẩm cho

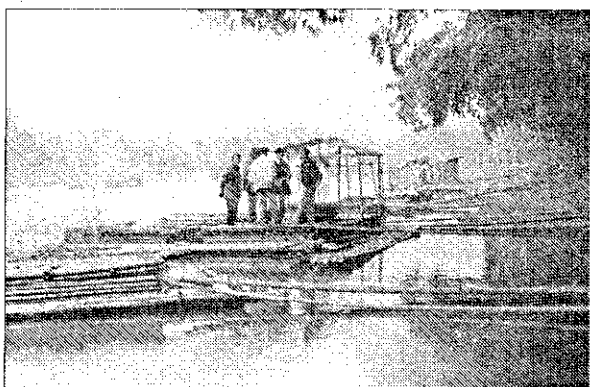
nhân dân, nguyên liệu cho công nghiệp, tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu và bảo vệ môi trường sinh thái, góp phần nâng cao đời sống nông dân, ổn định kinh tế và xã hội đất nước.

Việc lựa chọn cơ cấu, qui mô và chủng loại sản phẩm các ngành hàng sản xuất nông nghiệp phải khai thác được lợi thế của cả nước và từng vùng, bám sát nhu cầu thị trường trong nước và thế giới, phải có khả năng tiêu thụ được hàng hóa, có hiệu quả cao về kinh tế, xã hội, sinh thái.

Trong 10 năm tới, những ngành sản xuất hàng hóa quan trọng của nông nghiệp nước ta cần phát triển theo định hướng như sau:

Sản xuất lương thực: Lúa gạo là ngành sản xuất có thế mạnh của nước ta, nhất là 2 vùng đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng. Phải đảm bảo an toàn lương thực, đủ lúa gạo dự trữ quốc gia và có số lượng cần thiết để xuất khẩu. Mức sản lượng lúa ổn định khoảng 33 triệu tấn/năm, trong đó, lúa gạo để ăn và dự trữ khoảng 25 triệu tấn/năm (chưa kể lượng bột mì được tiêu thụ ngày càng tăng, chủ yếu dựa vào nhập khẩu), số còn lại để xuất khẩu và cho các nhu cầu khác. Sản xuất lúa gạo chủ yếu dựa vào thâm canh, sử dụng giống có chất lượng cao, đáp ứng có hiệu quả yêu cầu của thị trường tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Giữ ổn định khoảng 4 triệu ha đất có điều kiện tưới, tiêu chủ động để sản xuất lúa. Với các loại đất sản xuất lúa kém hiệu quả thì chuyển sang

sản xuất các loại sản phẩm khác có hiệu quả cao hơn, như đất khô hạn chuyển sang trồng màu, đất trũng và đất ven biển chuyển sang nuôi trồng thủy sản, đất ven đô thị chuyển sang trồng rau, hoa, cây ăn quả.... ở vùng sâu, vùng xa vẫn đầu tư để phát triển sản xuất lúa ở nơi có điều kiện (nhất là về thủy lợi nhỏ và xây dựng đồng ruộng) để đảm bảo đời sống nhân dân, sớm chặn đứng được tệ phá rừng làm rẫy và tình trạng du canh du cư.



Nuôi cá lồng trên sông Bằng, Cao Bằng

Ảnh: TL

Thủy sản: Là ngành sản xuất sản phẩm động vật có nhu cầu ngày càng tăng ở thị trường trong nước và xuất khẩu lớn, có khả năng trở thành ngành sản xuất có lợi thế lớn nhất của nền nông nghiệp Việt Nam. Sản lượng thủy sản đạt 3-3,5 triệu tấn/năm, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước, nâng kim ngạch xuất khẩu vượt lên hàng đầu trong khu vực châu á.

Cùng với phát triển đánh bắt xa bờ, phải tập trung đầu tư phát triển bền vững ngành nuôi trồng thủy sản, theo định hướng lớn sau đây:

a/ **Tôm:** là ngành chủ lực trong nghề nuôi trồng thủy sản của nước ta. Phát triển nuôi tôm nước lợ (tôm sú, tôm he) và tôm nước ngọt (tôm càng xanh), kết hợp nuôi thâm canh theo kiểu công nghiệp với nuôi bán thâm canh, nuôi sinh thái, trong đó diện tích nuôi thâm canh và bán thâm canh các loại tôm nâng lên khoảng trên 100.000 ha, đưa sản lượng tôm của các loại công nghệ nuôi đạt mức khoảng trên 300.000 tấn/năm.

b/ **Các loại cá và thủy sản khác:** phát triển mạnh nuôi trồng các loại cá nước ngọt, nước lợ, nuôi biển và các loại đặc sản khác.

MỘT SỐ CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH ĐỂ TĂNG KHẢ NĂNG TIÊU THỤ NÔNG SẢN (NÔNG, LÂM, THỦY SẢN)

...Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản và các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu xây dựng chính sách hỗ trợ đầu tư từ Quỹ hỗ trợ phát triển với các điều kiện và lãi suất ưu đãi đối với các dự án sản xuất nông nghiệp khó thu hồi vốn nhanh như cây lâu năm, chăn nuôi gia súc lớn, thủy sản và phát triển công nghiệp chế biến, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Lập Quỹ bảo lãnh tín dụng để tạo điều kiện cho hộ nông dân, các chủ trang trại, các chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hợp tác xã vay đủ vốn phát triển sản xuất, kinh doanh trong điều kiện khó đảm bảo về thế chấp. Bộ Tài chính chủ trì cùng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phối hợp xây dựng để án lập Quỹ cùng với các chính sách, giải pháp kèm theo trình Thủ tướng Chính phủ quyết định trong quý 3 năm 2000.

Thị trường nông sản hàng hóa thường gặp rủi ro, ảnh hưởng đến lợi ích của nông dân và doanh nghiệp. Ngoài các chính sách tài trợ hiện hành thì Nhà nước khuyến khích lập Quỹ bảo hiểm xuất khẩu ngành hàng. Các ngành hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn: gạo, cà phê, cao su, chè, điều, hồ tiêu, rau quả, thủy sản, gỗ được lập quỹ này. Quỹ ngành hàng nào thì sử dụng để bảo hiểm ngành đó. Các nhà sản xuất, kinh doanh từng ngành hàng lập ra hiệp hội của mình để quản lý việc thu chi Quỹ này theo cơ chế tài chính do Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định. Nhà nước sẽ tài trợ cho quỹ bảo hiểm đối với một số ngành hàng đặc biệt.

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TIÊU THỤ NÔNG SẢN HÀNG HÓA

Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về tiêu thụ nông sản hàng hóa nhằm đảm bảo sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm được thông suốt. Cần xem xét lại việc phân công cụ thể trách nhiệm quản lý nhà nước về tiêu thụ và xuất khẩu nông sản giữa Bộ Thương mại với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để phát huy vai trò quản lý nhà nước và nâng cao trách nhiệm của từng Bộ và các địa phương về lĩnh vực này. Ban tổ chức cán bộ Chính phủ cùng các Bộ, ngành nghiên cứu để trình Chính phủ điều chỉnh chức năng nhiệm vụ của các Bộ này trong năm 2000. ■

Xi nghiệp chế biến thủy súc sản xuất khẩu Cần Thơ **ĐƠN VỊ XUẤT KHẨU THỦY SẢN** **HÀNG ĐẦU**



● SON LÂM

Đúng dịp Bộ Thủy sản
 tung bùng mở Đại hội
 thi đua toàn ngành,
 ngày 14/7/2000, một
 tin vui đến với Xi
 nghiệp chế biến thủy
 súc sản xuất khẩu Cần
 Thơ (Cafatex): Chủ
 tịch nước kí quyết
 định 287/KT/CTN
 phong tặng đơn vị
 danh hiệu Anh hùng
 Lao động với "thành
 tích đặc biệt xuất sắc
 trong thời kì đổi mới
 1989-2000"

Cafatex Việt Nam hình thành từ
 một nhà máy cũ được xây
 dựng và đưa vào hoạt động
 vào cuối những năm 80. Nằm trong
 tình hình chung của cả nước sau
 thời kỳ bao cấp, cơ sở vật chất, nhà
 xưởng, trang thiết bị thô sơ, vốn
 thiếu, quy mô sản xuất nhỏ, lạc hậu
 về công nghệ, chỉ có thể chế biến
 thô các sản phẩm đông lạnh có giá
 trị thấp, bán thông qua các thị
 trường trung gian, hiệu quả không
 cao.

Tháng 6/1992 tỉnh Hậu Giang
 được tách thành 2 tỉnh Cần Thơ và
 Sóc Trăng. Xi nghiệp chế biến thủy
 súc sản xuất khẩu Cần Thơ được
 thành lập vào thời điểm đó với
 những khó khăn về vốn liếng vào
 những ngày đầu do ngân sách tỉnh

còn hạn hẹp. Mặt khác địa giới Cần
 Thơ không có bờ biển nên xí nghiệp
 không có thuận lợi về thu mua
 nguyên liệu chế biến. Trước thực tế
 đó, Ban Giám đốc và toàn thể cán
 bộ công nhân viên đã nhận thức và
 đánh giá đúng khó khăn để khắc
 phục, đồng thời khai thác triệt để
 những thuận lợi của một xí nghiệp
 chế biến thủy sản ở vùng đồng
 bằng sông Cửu Long có nhiều thế
 mạnh về nguyên liệu, từ đó có
 những giải pháp thích hợp áp dụng
 cho xí nghiệp. Nghiên cứu tìm tòi và
 đề ra chiến lược sản xuất kinh
 doanh đặc thù cho riêng mình, động
 viên nhau thi đua lao động sản xuất
 với lòng tự tin và quyết tâm cao, có
 sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của
 Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Cần
 Thơ, sự hướng dẫn, giúp đỡ nhiệt

tình của Bộ Thủy sản, các Ban, Ngành ở Trung ương và địa phương, xí nghiệp đã từng bước thoát khỏi bế tắc, tìm ra đường phát triển đi lên.

Đặc biệt xí nghiệp đã có được sự tin cậy, hợp tác quý báu của khách hàng trong và ngoài nước. Có thể nói thành công lớn nhất của xí nghiệp là việc nắm bắt thị trường. Sau khi có định hướng của Đảng và Nhà nước, của ngành thủy sản về thị trường xuất khẩu, xí nghiệp đã coi trọng tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm, trong đó lấy xuất khẩu sản phẩm thủy sản làm chủ yếu, tập trung chú ý đến những khách hàng nhiều tiềm năng như Nhật Bản, Mỹ và các nước thuộc Cộng đồng châu Âu (EU). Tìm đúng thị trường, lựa chọn đúng thị hiếu khách hàng là nguyên nhân quan trọng nhất dẫn tới thành công của Cafatex Việt Nam. Đến nay xí nghiệp là một trong những đơn vị có kim ngạch xuất khẩu thủy sản lớn nhất Việt Nam vào thị trường châu Âu. Ngay sau khi Mỹ xoá bỏ cấm vận kinh tế đối với Việt Nam, Cafatex Việt Nam là doanh nghiệp xuất lô hàng thủy sản đầu tiên vào bang Florida miền Đông nước Mỹ (tháng 7/1994) và từ đó đến nay, xí nghiệp luôn dẫn đầu kim ngạch xuất khẩu thủy sản cả nước vào thị trường Mỹ.

Xác định đúng thị hiếu của khách hàng để cân đối cơ cấu sản phẩm xuất khẩu cũng là nguyên nhân chính dẫn tới thành công của xí nghiệp. Trong chiến lược xuất khẩu, Cafatex Việt Nam đã coi hàng tinh chế có giá trị gia tăng là thế mạnh, trong đó chú trọng chế biến xuất khẩu các loại sản phẩm tôm chất lượng cao, đóng gói nhỏ cung cấp cho hệ thống các siêu thị, nhà hàng ở các nước công nghiệp phát triển. Năm 1995 xí nghiệp chưa có hàng giá trị gia

tăng, năm 1996 tỷ trọng sản phẩm có giá trị gia tăng/tổng sản phẩm xuất khẩu chỉ đạt 12,78 %, đến năm 1999 tỷ trọng này đã là 67%. Năm 1999, giá trị kim ngạch xuất khẩu mặt hàng tôm đông lạnh của xí nghiệp đạt 61,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 18,34% trong kim ngạch xuất khẩu tôm đông lạnh cả nước. Với thế mạnh xuất khẩu hàng có giá trị gia tăng là chủ yếu, xí nghiệp đã có đủ sức cạnh tranh trên thương trường quốc tế, từng bước khẳng định giá trị, uy tín với khách hàng trong nước và thế giới. Cafatex Việt Nam đã được đưa vào danh sách nhóm 1 xuất khẩu thủy sản vào EU. Đầu năm 1999, Cafatex Việt Nam đã được Thời báo Kinh tế Sài Gòn bình chọn là doanh nghiệp đứng đầu *Top Ten* các nhà chế biến xuất khẩu thủy sản Việt Nam trong năm. Xí nghiệp cũng được Bộ Thương mại trao giải thưởng cao nhất về thành tích xuất khẩu năm 1998.

Cafatex Việt Nam là đơn vị đi đầu trong việc tìm kiếm các nguồn nguyên liệu cho chế biến. Trong năm 1999, xí nghiệp đã nghiên cứu và nhập thử 100 tấn tôm nguyên liệu từ Ấn Độ, Bangladesh để chế biến và tái xuất khẩu thành công, mở ra hướng mới cho việc nhập bổ sung nguyên liệu khi nguồn nguyên liệu trong nước khan hiếm. Ngoài các nhóm sản phẩm thủy hải sản xuất khẩu chiếm ưu thế trên thị trường trong và ngoài nước, từ năm 1996 đến nay xí nghiệp đã hợp tác với bà con nông dân Cần Thơ nghiên cứu trồng thử nghiệm thành công các loại rau, đậu đông lạnh ăn liền cung cấp cho thị trường Nhật Bản và đã đạt kết quả bước đầu đáng khích lệ, xuất khẩu được 300 tấn sản phẩm, thu 360.000 USD. Triển vọng trong những năm tới, đây sẽ là một nghề mới cho bà con nông dân, tăng thêm nguồn thu ngoại tệ

cho xí nghiệp.

Có được thị trường xuất khẩu ổn định, phát huy trí tuệ tập thể của Ban Giám đốc và cán bộ công nhân viên xí nghiệp, Cafatex Việt Nam đã sớm đạt được những thành công rực rỡ, phát triển nhảy vọt vào những năm cuối thập niên 90 của thế kỷ XX, tự tin bước vào thế kỷ XXI. Những thành tựu nổi bật nhất của xí nghiệp từ 1992 trở lại đây là: tổng sản lượng sản phẩm qua 7 năm đạt 23.305 tấn (tăng bình quân 40,52%/năm), tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 204 triệu USD (tăng bình quân 57,86%/năm). Năm 1998 đạt kim ngạch xuất khẩu 60,0 triệu USD (bằng 30% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh Cần Thơ, bằng 7,12% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước). Năm 1999 giá trị kim ngạch đạt hơn 61 triệu USD. Và dự kiến năm 2000 Cafatex có thể đạt tới 80 triệu USD. So với năm 1992, tổng sản lượng sản phẩm xuất khẩu tăng 6,4 lần, giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng 11,5 lần, nộp ngân sách nhà nước tăng 5,33 lần, giá trị tài sản nhà nước tăng 10,96 lần, lợi nhuận tăng 91,52 lần. Hiện nay, xí nghiệp có 1.500 cán bộ công nhân viên trong đó lao động thường xuyên là 995 người, lao động nữ là 1.307 người (chiếm 87% lực lượng lao động), thu nhập bình quân người lao động năm 1998 là 1,39 triệu đồng/người/tháng, bằng 3,49 lần so với năm 1992.

Với cách thức kinh doanh năng động, sáng tạo, đạt hiệu quả cao, Cafatex Việt Nam đã được coi là nơi tham quan, học tập của các doanh nghiệp trong nước. Hy vọng Cafatex Việt Nam sẽ ngày càng phát triển, tiếp tục là cánh chim đầu đàn về chế biến xuất khẩu thủy sản Việt Nam trong những năm tới. ■

Sáng ngày 2 tháng 11 năm 1997, chẳng hải hành của con tàu TG - 2032TS đang ở ngư trường gần đảo Lại Sơn. Như thường lệ, tôi mở đài nghe bản tin dự báo thời tiết lúc 6 giờ. Đài báo bão số 5 sắp đổ bộ vào Việt Nam, linh cảm của người đã từng 15 năm đi biển như mách bảo tôi sắp xảy ra điều gì đó rất kinh khủng. Nhìn ra ngoài, biển nổi bọt to như muốn sôi, từng đám mây xám xịt đang sà xuống mặt biển. Tôi nhào ra boong tàu hét lớn : " Quay tàu vào đất liền ngay ". Thủy thủ đoàn chỉ có 4 người, tàu lại chở khẳm 50 tấn cá cơm vừa đánh bắt được nên khó có thể kịp vào đất liền. Lúc đó biển đã cồn cào sôi sục. Tôi ra lệnh cho tài công chạy vào đảo Lại Sơn. Đến trưa, tàu cập vào đảo. Lúc này ở đảo đã có hơn 200 con tàu chạy vào neo đậu. Theo tính toán của tôi cũng như mọi thuyền trưởng khác dựa vào kinh nghiệm đi biển thì gió đang thổi hướng Đông Bắc, cho tàu trú tại bãi Nhà và bãi Thiên Tuế là hợp lý nhất. Có ai ngờ được rằng đó là sai lầm nghiêm trọng nhất dẫn đến thảm kịch sau này. Theo dự báo, trung tâm cơn bão sẽ đi qua vùng biển Kiên Giang và Cà Mau. Hòn đảo Lại Sơn nằm trong "mất bão". Lúc này là 19 giờ. Tất cả thủy thủ đều hồi hộp, chuẩn bị đối phó với bão đang tiến dần đến thì gió bất ngờ đổi hướng đông nam, giật trên cấp 12. Tiếng la hét nhỏ neo chạy trốn bão vang động cùng tiếng gầm rú của biển khơi. Nhiều tàu không kịp nhổ đã chặt đứt dây neo chạy sang bãi Giếng để trốn sóng. Hàng trăm con tàu vướng dây neo không thoát được, đành phó mặc cho định mệnh.

Biết mình tính toán sai, chạy sang bãi Giếng cũng không kịp, tôi quyết định không nhổ neo, và theo kinh nghiệm, cho tàu nổ máy, quay mũi ra biển đối mặt với những cơn sóng dữ cao đến 8 mét. Đến



GIỮA MẮT BÃO

• NGUYỄN THỊ HỒNG
(Anh hùng Lao động)

khoảng 20 giờ, bão ập đến, gió giật và xoáy dữ dội. Tàu TG- 2032TS lần lượt bị những cơn sóng lưỡi búa làm vỡ mũi tàu, lá phổi, gãy cột hàng hải, vỡ kính ca bin, bay mất 1 nắp hầm mũi, nước tràn dần vào tàu...Tôi quyết định cho xúc cá đổ xuống biển. Một tay ghim tay lái, một tay tôi điều khiển đèn pha để nhìn cho rõ, nhằm chống chọi với những cơn sóng quái ác đang cuộn bên thân tàu.

Trong cơn gầm rú của sóng, tôi bỗng nghe tiếng thét gào kêu cứu giữa biển khơi. Hàng chục thủy thủ bị rơi xuống biển, kẻ ôm phao, người ôm mảnh ván đang trôi dạt,

ngoi ngóp. Con tàu 500 CV trọng tải 200 tấn bị đứt neo đập vào ghềnh đá vỡ tan nát trước mắt tôi. Cách đó vài chục mét, con tàu Diên Hồng KG-0098 trọng tải 200 tấn với đoàn thủy thủ 30 người đang chìm dần trong sóng biển. Không thể ngoảnh mặt làm ngơ trước cảnh hàng trăm con người đang bị biển dập vùi, tôi quyết định phải cứu người dù có hy sinh tính mạng của mình. "Quyết cùng sống hoặc cùng chết với những người bị nạn, không thể tham sống mà bỏ mặc họ". Nghĩ vậy, tôi liền ra lệnh: "Ném phao đi" và các thủy thủ đã buộc dây vào phao ném xuống biển, lần lượt kéo những người bị nạn lên.

Sau một đêm vật lộn với sóng biển, tôi và các thủy thủ tàu TG-2032TS đã cứu được 36 người. Thân thể rã rời vì sóng đập, nhưng chúng tôi vẫn tiếp tục giữ vững tay lái và vị trí cứu hộ, vượt qua một đêm khủng khiếp của đời sống nước. Chính trong những lúc gian nguy mới thấy được bản lĩnh của con người. Trong những lúc nguy hiểm tột cùng, tôi nghĩ "Nếu gặp tình huống xấu nhất, sẽ ra lệnh chặt dây neo quay mũi tàu vào hòn và chạy hết tốc lực vào bãi cát của hòn để cứu sống những người trên tàu, mặc cho con tàu có thể bị tan nát". Sáng hôm sau, bão tan, một cảnh tượng kinh hoàng hiện ra trước mắt tôi: hơn 200 con tàu ở vịnh Thiên Tuế hôm trước, 168 chiếc đã bị sóng đánh chìm, 9 người chết, 22 người mất tích. Tàu TG-2032TS là một trong số ít những con tàu còn sót lại trong "mất bão".

Tuy giữ được khỏi bị đắm nhưng tàu bị hư hỏng nặng, thiệt hại ước khoảng 300 triệu đồng. Mặc dù vậy nhưng tôi cũng chẳng hề tiếc của, bởi với tôi, mạng sống của 36 con người mới là vô giá. ■

Ảnh trên : Anh hùng Nguyễn Thị Hồng
và Anh hùng Nguyễn Thị Khuê Ảnh : TL

Nhìn lại và Suy nghĩ

● HỒ THỌ

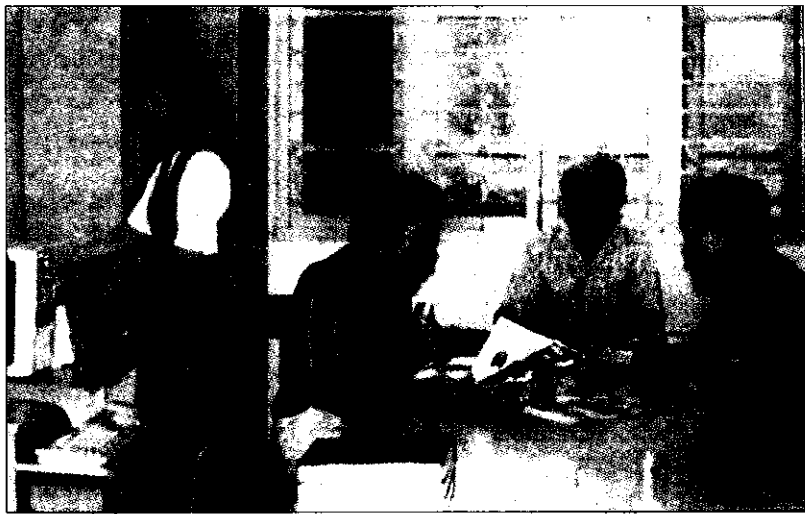
Tiến sĩ Hồ Thọ là Tổng biên tập đầu tiên của Tạp chí Thủy sản. Sau đó, dù ở những cương vị công tác khác nhau, ông vẫn luôn quan tâm theo dõi từng bước đi của Tạp chí.

Chúng tôi đăng dưới đây bài viết của ông gửi Tạp chí Thủy sản nhân dịp 15 năm Tạp chí ra số đầu tiên.

Do hoàn cảnh công việc, tôi có sự gắn bó và gần gũi với *Tạp chí Thủy sản* từ những ngày chuẩn bị xuất bản cho đến hôm nay.

Mười lăm năm đã qua kể từ số *Tạp chí* đầu tiên ra mắt bạn đọc. Thông thường vào các dịp kỷ niệm người ta hay nói nhiều đến thành tích, đến sự cố gắng to lớn của tập thể, của cá nhân... mà quên đi những khiếm khuyết, những thiếu sót trong công việc thường nhật, bỏ qua những yếu tố hỗ trợ, giúp đỡ của các tổ chức quản lý là những vấn đề sống còn giúp cho *Tạp chí* tồn tại và phát triển bình thường. Dù nói vậy song tôi vẫn phải đánh giá cao sự cố gắng và nỗ lực của các cán bộ *Toà soạn* trong điều kiện vô cùng thiếu thốn mà vẫn duy trì được để các ấn phẩm của *Tạp chí* đều đặn đến với bạn đọc cho đến lúc này.

Tuy nhiên, đã đến lúc cần có nhận xét và đánh giá kĩ hơn về nội dung của *Tạp chí*, nêu ra những yêu



*Một buổi làm việc của *Toà soạn* *Tạp chí Thủy sản**

cầu nghiêm khắc hơn đối với *Tạp chí* và theo đó cũng cần tạo cho *Tạp chí* những điều kiện hoặc ít ra những cơ chế hỗ trợ để *Tạp chí* đáp ứng các yêu cầu đặt ra.

Trước hết, *Tạp chí* cần một sự ổn định: ổn định mục tiêu, ổn định nội dung, ổn định về nhân sự, về con người. Một khi có sự ổn định nhất định thì mới có sự tiến lên. Điều đáng nói là suốt 15 năm tồn tại, rất ít thời kì *Tạp chí* có sự ổn định cần thiết.

Tạp chí muốn có sự cải tiến về nội dung, về hình thức, về số lượng và thời gian phát hành... điều tối cần thiết là phải được cải tiến một cách cơ bản về trang bị cơ sở vật chất kĩ thuật dù ở mức tối thiểu, cũng như một cơ chế tạo vốn hợp lí cho *Tạp chí* là cơ quan ngôn luận duy nhất của cả ngành. Với biên chế rất hạn hẹp, ít có thời điểm vượt quá 5 người mà lại không có kinh phí nhất định thì dù có duy ý chí, *Tạp chí* cũng không cách gì có nhiều bài viết hay, phản ánh được những vấn đề nóng hổi trong hoạt động khoa học-kĩ thuật-kinh tế của cả ngành.

Lúc ra đời, *Tạp chí* chúng ta mong muốn tạo một diễn đàn để trao đổi các vấn đề có tính lí luận, các căn cứ khoa học cho định hướng

phát triển kinh tế - xã hội ngành thủy sản, cùng với việc phổ biến, tuyên truyền các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong phát triển ngành. Do những hạn chế vừa nêu nên các nội dung này chưa được duy trì thường xuyên và nhiều trường hợp còn dễ dãi với các bài viết vi tính sơ lược, thiếu sâu sắc trong phân tích diễn tả.

Trong bối cảnh phát triển thông tin, nhiều ấn phẩm của Trung tâm thông tin khoa học kĩ thuật và kinh tế thủy sản, của các Hội và Hiệp hội lần lượt ra đời, mang dấu ấn cập nhật các diễn biến trong thực tiễn sản xuất - kinh doanh, buộc *Tạp chí Thủy sản* phải xác định lại đối tượng phục vụ để từ đó có định hướng tổ chức mạng lưới cộng tác viên nhằm cung cấp tin bài cho *Tạp chí*.

Với lòng mong muốn tha thiết *Tạp chí Thủy sản* trưởng thành với đầy đủ tính chất như tên gọi của nó là cơ quan ngôn luận của ngành, nhân dịp kỷ niệm 15 năm ngày ra đời *Tạp chí*, mong muốn có sự nhìn nhận và khẳng định lại chính mình của bản thân *Tạp chí* để 5 năm nữa, chúng ta sẽ rất vui mừng vì *Tạp chí* đã lớn mạnh thực sự. ■

CHẶNG ĐƯỜNG 15 NĂM CỦA TẠP CHÍ THỦY SẢN

● ĐỖ ĐỨC HẠNH

Cách đây 15 năm, ngày 22/8/1985, Bộ trưởng Bộ Thủy sản đã ký Quyết định số 372 TS/QĐ thành lập Toà soạn Tạp chí Thủy sản và sau đó, Tạp chí Thủy sản số 1 ra mắt bạn đọc cả nước và liên tục được xuất bản đến ngày hôm nay.

Trải qua chặng đường hoạt động 15 năm, với chức năng là cơ quan ngôn luận của ngành thủy sản Việt Nam, Tạp chí Thủy sản đã bền bỉ phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn trong quá trình chuyển đổi phương thức hoạt động, cố gắng vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

Quá trình tồn tại và phát triển vừa qua của Tạp chí là kết quả những nỗ lực của bản thân anh chị em trong Toà soạn từ lãnh đạo đến nhân viên, từ người làm việc ngay từ những ngày đầu thành lập tới nay cho đến những người mới về công tác cách đây một vài năm. Đó cũng là kết quả sự quan tâm của lãnh đạo Bộ, sự cộng tác của bạn đọc trong cả nước, sự ủng hộ đồng viên của nhiều đơn vị trong ngành.

Sự trưởng thành của Tạp chí cũng được ghi nhận qua số lượng phát hành tăng dần và mạng lưới cộng tác viên được mở rộng ở nhiều địa phương, cơ sở, qua nhận xét từ nhiều phía, trong đó có thể thấy qua những đánh giá và phần thưởng mà Tạp chí đã nhận được cách đây 5 năm, vào dịp kỷ niệm tròn 10 năm tuổi. Bộ trưởng Bộ Thủy sản ngày đó- đồng chí Nguyễn Tấn Trĩnh, nay là Phó trưởng ban thường trực Ban Kinh tế Trung ương, đã ghi nhận *"Tạp chí có vai trò tích cực phục vụ thông tin cho sự nghiệp đổi mới của đất nước và sự phát triển của ngành thủy sản Việt Nam"*. Ngày đó, tấm bằng khen của Thủ tướng Chính phủ tặng CBCNV Toà soạn là phần thưởng xứng đáng cho một tập thể biết chụm lại với nhau vượt khó, trụ vững trên đôi chân của mình, phát huy trí tuệ làm cho Tạp chí lớn mạnh theo đúng hướng đã được xác định, đóng góp phần nhỏ vào sự tăng trưởng chung của ngành.

Tuy nhiên 15 năm qua cũng cho thấy những bất cập đối với hoạt động của một cơ quan ngôn luận thuộc một ngành kinh tế có tốc độ phát triển đáng kể và hiện đang được xác định là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước. Sự thiếu ổn định cả về

tổ chức lẫn nhân sự, lúng túng trong xác định loại hình đơn vị và phương thức hoạt động, nghèo nàn về cơ sở vật chất và phương tiện hành nghề, chịu nhiều sức ép về chuyện "áo cơm", và cả những yếu kém nội tại ở mảng này mảng khác... đã làm hạn chế sức mạnh của một công cụ tuyên truyền, phổ biến đường lối chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thành tựu khoa học kỹ thuật thủy sản trong và ngoài nước, cũng như phản ánh và hướng dẫn dư luận xã hội trong cộng đồng ngư dân, làm diễn đàn thực hiện quyền tự do ngôn luận của những người làm nghề cá trong cả nước.



Bạn đọc với tạp chí Thủy sản

Chặng đường sắp tới của Tạp chí Thủy sản trong bối cảnh chung của ngành đang trên con đường công nghiệp hóa - hiện đại hóa đòi hỏi phải có sự đổi mới trong cách nghĩ, cách làm, trong phương pháp điều hành để có thể hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ theo tôn chỉ mục đích của Tạp chí, nhằm phục vụ thiết thực những đòi hỏi về thông tin ngày càng cao của đông đảo bạn đọc gần xa. Đó cũng là trách nhiệm của cán bộ công nhân viên Toà soạn, từ người phụ trách đến đội ngũ biên tập viên và các nhân viên trị sự, với mối quan hệ hợp tác chặt chẽ của các cộng tác viên, sự ủng hộ nhiệt thành của người đọc, sự quan tâm sát sao của lãnh đạo Bộ... để tiếp tục thực hiện chức năng là cơ quan ngôn luận của ngành thủy sản Việt Nam. ■

Vài dòng gửi TẠP CHÍ THỦY SẢN

● GS.TSKH TRẦN MAI THIÊN

Tạp chí Thủy sản trong 15 năm qua luôn được xem là nguồn thông tin chính thống và có giá trị của ngành thủy sản đối với nhiều bạn đọc đang hoạt động ở các lĩnh vực khác nhau trong ngành: từ các nhà lãnh đạo và quản lý các cấp đến những nhà doanh nghiệp, các cán bộ khoa học kỹ thuật và những người làm công tác đào tạo, giảng dạy, khuyến ngư Hy vọng rằng tạp chí cũng đến được với một bộ phận bà con nông, ngư dân.

Có lẽ tính đa dạng và phong phú trong nội dung Tạp chí làm cho nó có được tầng lớp bạn đọc rộng rãi. Các nhà quản lý, những người làm công tác hoạch định chính sách, những nhà doanh nghiệp quan tâm đến những vấn đề về chiến lược, chủ trương, chính sách phát triển ngành, tình hình sản xuất, kinh doanh, thị trường trong và ngoài nước. Các nhà khoa học chú tâm nhiều đến việc đọc và gửi bài cho mục "Khoa học công nghệ" xuất hiện đều trên mỗi số Tạp chí. Họ quan tâm đến cả những vấn đề chung về phát triển khoa học công nghệ lẫn những kết quả cụ thể của các công trình nghiên cứu được đăng tải. Thời gian gần đây, các nhà khoa học cũng phải thường xuyên theo dõi các thông tin về thành tựu cũng như khó khăn vướng mắc của sản xuất, vấn đề thị trường, xu thế phát triển ngành thủy sản ở các nước trong khu vực và trên thế giới. Chỉ có quan tâm đầy đủ đến các vấn đề trên thì mới tạo ra những chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu phù hợp với sản xuất, kinh doanh, mang lại hiệu quả kinh tế xã hội cao.

Trong điều kiện ngành thủy sản chưa có một tạp chí khoa học chuyên ngành theo đúng nghĩa của nó thì các nghiên cứu sinh cũng tìm đến Tạp chí Thủy sản là nơi để công bố những kết quả đề tài nghiên cứu của họ - điều nhất thiết phải làm trước khi được bảo vệ luận án. Là một tạp chí không chuyên về khoa học, đóng góp của Tạp chí Thủy sản đối với sự phát triển trong lĩnh vực khoa học công nghệ của ngành như vậy cũng không phải là nhỏ. Tuy nhiên, các nhà khoa học và người sản xuất hiện nay vẫn mong chờ một tạp chí chuyên ngành về khoa học - công nghệ, kinh nghiệm sản xuất tiên tiến, những vấn đề về chuyển giao công nghệ và khuyến ngư để phục vụ mạnh mẽ hơn cho phát triển khoa học và sản xuất thủy sản. Còn Tạp chí Thủy sản hiện nay với đầy đủ các nội dung rất đa dạng, phục vụ nhiều cho cả mục đích tuyên truyền, vậy thì để hấp dẫn hơn, nên chăng thường xuyên hoặc đôi khi dành ra một trang để đăng một số tranh vui hay nụ cười chuyên đề thủy sản. Thiết nghĩ, điều này không làm phương hại đến tính nghiêm túc của Tạp chí. ■

Thư phương nam

TP. Hồ Chí Minh 16-8-2000

Nhân kỉ niệm 15 năm ngày Tạp chí Thủy sản ra đời, là bạn đọc thường xuyên và với kỳ vọng tạp chí ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của đội ngũ nghiên cứu và sản xuất nghề cá, tôi mạo muội có một vài ý sau :

1. Cần tăng kỳ phát hành mỗi tháng 1 số, đồng thời tăng số lượng, hoàn chỉnh mạng lưới phát hành đến tận các cơ sở nghiên cứu, quản lý và sản xuất.

2. Cần bổ sung thêm một số chuyên mục như : "Phản hồi từ cơ sở sản xuất", "ngư dân sản xuất giỏi", "thư giãn", "kể chuyện vui nghề nghiệp", "thơ ca"...

3. Coi trọng việc xây dựng mạng lưới cộng tác viên ở các viện, trường, sở thủy sản, TT khuyến ngư và các cơ sở sản xuất. Nên mở thêm hộp thư điện tử.

4. Định kỳ tổ chức Hội nghị CTV nhằm tăng cường mối quan hệ giữa tạp chí với đội ngũ viết báo bán chuyên nghiệp, trao đổi kinh nghiệm làm báo, định hướng bài vở. Để tiết kiệm chi phí đi lại, hằng năm nên tổ chức tại các trung tâm: Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh cho từng khu vực.

Nhân ngày kỷ niệm đáng nhớ của tạp chí xin gửi đến các đồng chí trong toà soạn lời chúc mừng và lời chào thân ái.

TRẦN TRƯỜNG LƯU

Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản II



HANEL
PLASTICS

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL XỐP NHỰA

HANEL PLASTICS JOINT STOCK COMPANY

VĂN PHÒNG GIAO DỊCH:

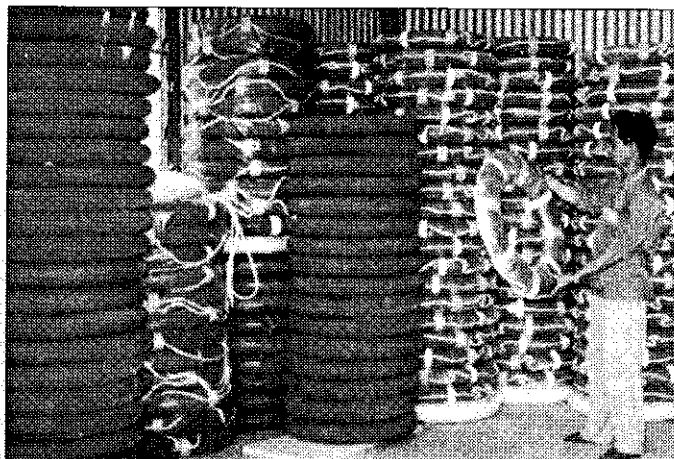
Nhà I-1,2,3 phố Thái Hà-Đống Đa-Hà Nội
Tel: 04.8.563.285 - Fax: 04.8.563565

XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT:

xã Vĩnh Tuy, huyện Thanh Trì, Hà Nội.
Tel: 04.8.611.488 Fax: 04.6441.223

Hanel plastics là nhà sản xuất xốp nhựa, phao cứu sinh với công nghệ cao và thiết bị hiện đại. Là cơ sở được Đăng kiểm Việt Nam cấp chứng nhận cơ sở chế tạo các sản phẩm cứu sinh phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật của tiêu chuẩn TCVN 6278: 1997 (Qui phạm phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép) và 22 TCN - 94 - 77.

Hai loại phao cứu sinh được Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn dùng cho người và phương tiện hoạt động trên biển. Năng lực sản xuất: 20.000 phao/năm.



CỬA HÀNG KINH DOANH VÀ GIỚI THIỆU SẢN PHẨM:

260 Cầu Giấy - Hà Nội.
606 Nguyễn Văn Cừ - Gia Lâm.

Tel : 8336912
Tel : 8773057



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ LẠNH

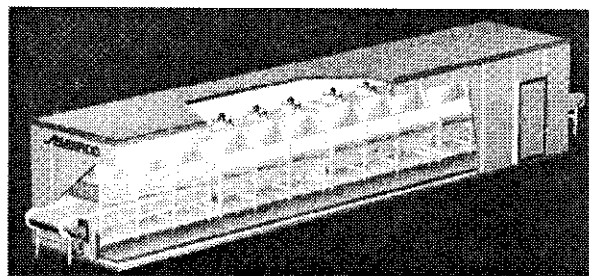
Chuyên ngành lạnh công nghiệp, điều hoà không khí và các dịch vụ kỹ thuật cơ điện công trình

SẢN PHẨM :

- Panel cách nhiệt Polyurethane
- Kho trữ lạnh, thùng xe lạnh
- Dàn lạnh (thiết bị bay hơi) NH₃/Freon
- Thiết bị ngưng tụ NH₃/Freon
- Tủ cấp đông tiếp xúc (tủ cấp đông Block)
- Tủ cấp đông gió.
- Băng chuyền cấp đông nhanh (IQF)
- Máy làm đá vảy, đá cây.
- Máy làm lạnh nước.
- Bình áp lực các loại.
- Tủ điện động lực và điều khiển.
- Hệ ống gió điều hoà không khí
- Miệng thổi/ hút gió và các van gió.

VỚI PHƯƠNG

CHÂM "TIN CẬY VÀ
HỢP TÁC
LÂU DÀI", CÔNG TY
CỔ PHẦN KỸ NGHỆ
LẠNH LUÔN PHẤN
ĐẦU ĐỂ XỨNG
ĐÁNG LÀ NGƯỜI
BẠN ĐỒNG HÀNH
TIN CẬY CỦA QUÝ
KHÁCH HÀNG
TRONG CẢ NƯỚC.



TRỤ SỞ CHÍNH :

135B Trần Bình Trọng, Q.5 TP. HCM
ĐT : (84) 8.8380634
Fax: (84) 8.8394421
E-mail: hcm@searefico.com

Xí nghiệp cơ điện lạnh Đà Nẵng:

Nhà KCS, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
ĐT : (84) 511.836164
FAX: (84) 511.836237
E-mail: searee@searefico.com

Văn phòng đại diện tại Hà Nội:

46 C Sơn Tây Ba Đình, Hà Nội
ĐT: (84) 4 7330997
Fax : (84) 4 8438278
E-mail: seare_hn@searefico.com

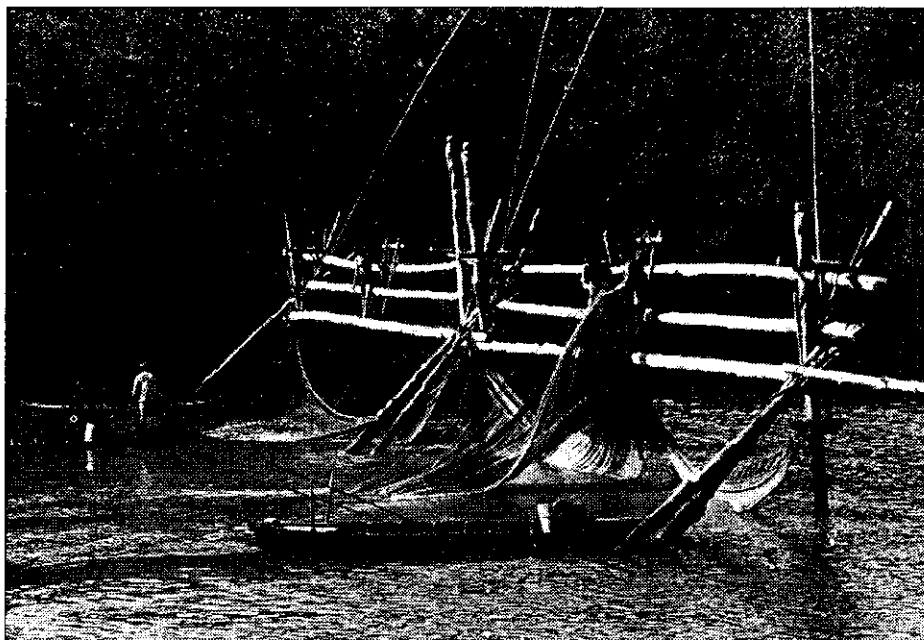
Văn phòng đại diện tại Cần Thơ :

5 Nguyễn Trãi Cần Thơ
ĐT: (84) 71.834081
Fax: (84) 71.834078
E-mail: cantho@searefico.com

SẢN PHẨM MỚI :

Băng chuyền IQF searefico đảm bảo thích ứng tối đa với yêu cầu của thị trường Việt Nam :

- Thiết kế & chế tạo theo đúng tiêu chuẩn HACCP/FDA.
- Đảm bảo công suất cấp đông thực tế đúng công suất thiết kế.
- Phù hợp cho việc cấp đông nhiều loại sản phẩm và sản phẩm có kích cỡ khác nhau.
- Tỷ lệ hao hụt và gãy vỡ sản phẩm thấp.
- Thiết bị đo lường tự động hoá và điều khiển đồng bộ theo chương trình (PLC).
- Thiết bị, linh kiện được nhập từ EU, Mỹ và Nhật.
- Thuận tiện trong sử dụng, vận hành và bảo trì bảo dưỡng.



Đáy tôm ở Cà Mau

Ảnh: Hoàng Thiêm

BƯỚC ĐẦU NGHIÊN CỨU ẢNH HƯỞNG CỦA **NGHỀ LƯỚI KÉO** ĐẾN NGUỒN LỢI TÔM Ở CÀ MAU

● Thạc sĩ PHAN TRỌNG HUYẾN

I. Đặt vấn đề

Vùng biển Cà Mau có trữ lượng tôm rất lớn, khoảng 25.000-30.000 tấn. Cùng với việc chặt phá rừng ngập mặn tràn lan để phát triển nuôi tôm thiếu qui hoạch trong những năm qua ở vùng biển Cà Mau, nghề khai thác tôm trên thực tế cũng là một yếu tố có ảnh hưởng rất lớn đến nguồn lợi tôm ở đây. Vì vậy, nghiên cứu các tác nhân ảnh hưởng đến nguồn lợi tôm từ khía cạnh khai thác là việc làm cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn.

II. Phương pháp nghiên cứu

1. Điều tra tàu thuyền khai thác tôm

- Điều tra thông số tàu thuyền khai thác tôm (số lượng, kích thước, công suất...) dựa vào sổ đăng kí tàu cá kết hợp với thực tế.
- Chọn mẫu tàu nghiên cứu theo phương pháp điều tra theo mẫu và phỏng vấn trực tiếp.

- Các thông số về cấu trúc ngư cụ dựa vào tài liệu của địa phương và điều tra trực tiếp trên từng khối tàu.

2. Điều tra sản phẩm khai thác

Được tiến hành theo mẫu trên từng mẻ lưới khi tàu sản xuất trên biển và xử lí theo phương pháp thống kê sinh học.

3. Xác định các thông số nghề

Dựa theo phương pháp Lucasov:

- Độ mạnh nghề là vùng tác dụng của ngư cụ trong thời gian khai thác một ngày đêm (24 giờ), tính bằng số khối nước ngư cụ lọc qua trong một ngày đêm (đơn vị tính: $\text{km}^3/\text{ngày đêm}$).
- Cường lực nghề là tích số giữa độ mạnh nghề với thời gian ngư cụ hoạt động (đơn vị tính: km^3).
- Hiệu quả nghề là sản lượng khai thác trong 1 năm tính trên một đơn vị cường lực nghề (đơn vị tính: $\text{tấn}/\text{km}^3$).

- Cường độ khai thác là tỉ số giữa cường lực nghề và thể tích khối nước của vùng biển khai thác theo kế hoạch mà ở đó có tôm sinh sống và có thể đánh bắt được.

III. Kết quả nghiên cứu

1. Về tàu thuyền và cấu trúc ngư cụ khai thác tôm

Tính đến tháng 7/1997 toàn tỉnh có 1.337 tàu khai thác tôm trong tổng số 2.606 tàu, chiếm 51,3%. Trong đó lưới kéo tôm có 789 tàu, te: 285 tàu, đáy: 263 tàu. Nếu chia theo công suất, dưới 20CV có 619 tàu, từ 20-74CV có 550 tàu, trên 74CV có 168 tàu.

Kết quả điều tra các mẫu theo nghề được trình bày ở bảng 1.

Bảng 1 : Cấu trúc ngư cụ nghề khai thác tôm

Nghề	Công suất máy	Kích thước mắt lưới ở đút (2a=mm)	
		Theo Pháp lệnh	Thực tế
Lưới kéo	< 33CV	20	12-15 (63 mẫu= 80,3%) 15-18 (15 mẫu= 19,7%)
	33-74CV	30	15-18 (81 mẫu= 62,5%) 18-22 (49 mẫu= 37,5%)
	74-200CV	30	22-25 (23 mẫu= 46,7%) 25-27 (27 mẫu= 53,3%)
Te	< 20CV	18	10 (21 mẫu = 60%) 12 (14 mẫu = 40%)
Đáy	< 45CV	18	12 (15 mẫu = 46,9%) 15 (17 mẫu = 53,1%)

Thực trạng này dẫn đến hậu quả là khả năng chọn lọc của lưới kém, nhiều tôm con bị lưới đánh bắt gây ảnh hưởng xấu đến nguồn lợi tôm trong vùng biển Cà Mau.

2. Về sản phẩm khai thác

2.1. Cơ cấu và tỉ lệ sản phẩm khai thác trong một mẻ lưới bình quân theo cỡ tàu được trình bày ở bảng 2.

Bảng 2: Cơ cấu và tỉ lệ sản phẩm (SP) khai thác

Loài	Kích thước (mm)	< 33 CV			33 - 74 CV			> 74 CV		
		Thành phần SP kh. thác	Tỉ lệ sản phẩm khai thác (%)		Thành phần SP kh. thác	Tỉ lệ sản phẩm khai thác (%)		Thành phần SP k. thác	Tỉ lệ sản phẩm khai thác (%)	
			% loài	% sản lượng		% loài	% sản lượng		% loài	% sản lượng
Tôm gáy	>80	0,30	9,19	0,73	0,50	11,25	0,96	5,57	18,27	8,06
	50-80	1,66	51,08	4,03	3,53	78,48	6,76	22,12	73,46	32,02
	<50	1,29	39,73	3,13	0,47	10,27	0,90	2,84	0,90	4,11
Tôm gang	>80	1,63	22,13	3,95	0,67	12,12	1,28	1,5	37,50	2,16
	50-80	3,55	48,27	8,61	3,98	72,36	7,62	2,0	50,00	2,90
	<50	2,18	29,60	5,28	0,85	15,52	1,63	0,50	12,50	0,72
Tôm chì	> 95	3,28	16,08	7,95	3,90	13,45	7,47	0,30	30,00	0,43
	60-95	9,70	47,46	23,52	20,90	72,07	40,03	0,50	50,00	0,72
	<50	7,45	36,46	18,06	4,20	14,48	8,057	0,20	20,00	0,29
Tôm thẻ	> 120	0	0	0	0,25	25,00	0,48	0,10	33,33	0,14
	< 120	0,20	100,00	0,48	0,75	75,00	1,44	0,20	66,67	0,29
Cá		10,00		24,26	12,20		23,38	33,29		48,16
Tổng		41,24			52,20			69,12		

Bảng 2 cho thấy tàu công suất nhỏ đánh bắt ven bờ có sản lượng tôm con lớn hơn tôm trưởng thành. Trong một mẻ lưới, sản lượng tôm chì ở tàu đánh bắt ven bờ lớn hơn ở tàu đánh

bắt xa bờ, còn sản lượng tôm gáy ngược lại.

2.2. Kết quả: Phân loại tôm khai thác theo loài riêng và loài chung được nêu ở bảng 3.

Bảng 3: Tỉ lệ tôm đạt tiêu chuẩn khai thác theo loài riêng (L) và loài chung (C) trong một mẻ lưới bình quân của lưới kéo tôm

Loài	< 33CV		33 - 74CV		> 74 CV	
	% L	% C	% L	% C	% L	% C
Tôm gáy	9,19	0,96	11,25	1,25	18,27	15,55
Tôm gang	22,13	5,22	12,12	1,67	37,5	4,19
Tôm chì	16,08	10,5	13,45	9,75	30,0	0,84
Tôm thẻ	0	0	25,0	0,63	33,33	0,28

Bảng 3 cho thấy tôm hầu như không đạt tiêu chuẩn khai thác theo loài riêng và loài chung trong mẻ lưới bình quân. Đây là dấu hiệu suy giảm nguồn lợi tôm ở vùng biển khai thác truyền thống tỉnh Cà Mau.

3. Về các chỉ tiêu nghề khai thác tôm

3.1. Độ mạnh nghề của khối tàu (km³/ngày đêm) và cường lực nghề của các con tàu (PU = 1 km³) được thể hiện ở bảng 4.

Bảng 4: Độ mạnh nghề và cường lực nghề

Khối Tàu	1992		1993		1994		1995		1996	
	Độ mạnh nghề	Cường lực nghề	Độ mạnh nghề	Cường lực nghề	Độ mạnh nghề	Cường lực nghề	Độ mạnh nghề	Cường lực nghề	Độ mạnh nghề	Cường lực nghề
Te	0,4012	24,08	0,4539	27,24	0,5916	35,50	0,6868	41,21	0,6868	41,21
< 20CV	0,0376	2,82	0,0485	3,64	0,0884	6,63	0,1124	8,43	0,1137	8,54
20-33	0,0706	5,28	0,0134	7,86	0,0828	6,19	0,0963	7,2	0,03976	7,30
33-74	0,3574	44,79	0,3876	48,57	0,4177	52,35	0,5097	63,88	0,5474	68,61
74-150	0,1120	17,69	0,1551	24,91	0,1956	31,41	0,1079	17,33	0,1304	20,94
150-200	0	0	0	0	0	0	0,0158	2,53	0,0132	2,11
Ngoại tỉnh	0,4826	60,48	0,5022	62,94	0,5082	62,75	0,4901	62,37	0,04856	60,86
Σ (3-7)	1,0208	128,24	1,0583	142,28	1,2043	152,70	1,2198	153,31	1,2742	159,82
Σ (1-7)		155,14		173,16		194,83		202,95		209,57

Bảng 4 cho thấy độ mạnh nghề khai thác tôm tăng theo thời gian, nhất là ở khối tàu <74CV, còn cường lực nghề khai thác tôm tăng nhanh từ 1992-1994, dừng lại ở năm 1995, 1996, nhất là các nghề cào nhỏ và te hầu như không tăng, chủ yếu tập trung ở tàu > 74CV.

3.2. Cường độ khai thác và hiệu quả nghề

Để tính cường độ khai thác và hiệu quả nghề khai thác tôm ở vùng biển Tây Cà Mau, chúng tôi chia

vùng thành 3 khu vực theo độ sâu và theo khối tàu khai thác:

+ Khu vực 1 từ độ sâu 6 m trở vào, diện tích 411 km², khối tàu te hoạt động.

+ Khu vực 2 từ độ sâu 6 - 10 m, diện tích 233 km², khối tàu < 20CV hoạt động.

+ Khu vực 3 từ độ sâu 10-25m, diện tích 1.715 km², khối tàu 20-200CV hoạt động.

Kết quả được thể hiện ở bảng 5.

Bảng 5: Cường độ khai thác (I_{1,2,3,4}) và hiệu quả nghề (H) của đội tàu khai thác tôm ở Cà Mau

Chỉ tiêu	1992	1993	1994	1995	1996
I ₁	14,6	16,4	21,6	24,9	24,9
I ₂	2,412	3,11	5,67	7,21	7,30
I ₃	7,5	8,3	8,9	8,94	9,32
I ₄	7,77	8,67	9,76	10,16	10,4
H	43,4	37,4	41,0	38,2	37,5

IV. Kết luận và đề xuất

1. Biển Cà Mau là vùng trọng điểm tôm của cả nước nhưng những năm gần đây trữ lượng tôm bị giảm sút do sự phát triển tàu thuyền nhỏ khai thác thiếu kế hoạch.

2. Đội tàu nghề te, đáy và lưới kéo tôm công suất nhỏ chiếm tỉ trọng lớn, chủ yếu hoạt động ven bờ đã gây hại nghiêm trọng tới các bãi đẻ và nơi sinh sống của tôm con.

3. Ngư cụ của các nghề te, đáy và lưới kéo tôm đều có kích thước mắt lưới ở dẹt vi phạm Pháp lệnh bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

4. Khai thác tôm của địa phương những năm gần đây giảm cả về số lượng và chất lượng.

5. Cường độ khai thác tôm ở vùng biển đã đạt mức căng thẳng, có xu hướng tăng dần theo thời gian và giảm dần từ bờ ra khơi, gây ảnh hưởng xấu đến nguồn lợi tôm của vùng biển nghiên cứu.

Từ kết quả này xin đề xuất như sau:

- Địa phương cần tuyên truyền, giáo dục và bồi dưỡng những kiến thức cơ bản nhất về Luật hàng hải, bảo vệ môi trường và nguồn lợi biển cho ngư dân.

- Cần có biện pháp hạn chế số tàu nhỏ và các tàu của tỉnh bạn đang khai thác trên vùng biển Cà Mau. Tăng cường kiểm tra để loại trừ những lưới có kích thước mắt lưới vi phạm Pháp lệnh bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản ■

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN **SEAPRODEX** GIỮ VỮNG CÂN ĐỐI VÀ BẢO TOÀN VỐN

● VĂN PHÚ



Thời gian qua hoạt động tài chính của các ngân hàng, tổ chức tín dụng đều gặp khó khăn, ứ đọng vốn. Dưới sự chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước, sự quan tâm của Hội đồng quản trị và sự cố gắng của CBNV... Công ty Tài chính cổ phần Seaprodex tiếp tục thực hiện: Huy động vốn; kinh doanh vàng bạc; cho vay vốn.... Công ty đã giữ vững cân đối và bảo toàn vốn, kinh doanh có lãi, giảm nợ quá hạn, bảo đảm thu nhập cho CBNV, đoàn kết được nội bộ.

Sau đây là một số kết quả hoạt động chính của Công ty trong thời gian qua:

NĂM 1999:

1. Phát hành tín phiếu đạt: 233.392 triệu đồng

Trong đó:

- Tín phiếu bằng VNĐ: 101.211 triệu đồng
- Tín phiếu bằng vàng: 128.493 triệu đồng
- Tín phiếu bằng USD: 265.370 triệu đồng

2. Tín dụng: Tổng giá trị đạt 90.380 triệu đồng.

Trong đó:

- Cho vay bằng VNĐ: 61.984 triệu đồng
- Cho vay bằng vàng: 28.396 triệu đồng

3. Kinh doanh vàng: Doanh số đạt 97.710 triệu đồng

6 THÁNG ĐẦU NĂM 2000:

1. Phát hành tín phiếu đạt 102.272 triệu đồng

Trong đó:

- Tín phiếu bằng VNĐ: 53.823 triệu đồng
- Tín phiếu bằng vàng: 48.449 triệu đồng

2. Tín dụng:

Cho vay trong kỳ bằng VNĐ: 40.579 triệu đồng

3. Kinh doanh vàng: Doanh số đạt 56.369 triệu đồng.

Theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Công ty Tài chính Cổ phần Seaprodex đang làm thủ tục chuẩn bị sáp nhập với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông (tp. Hồ Chí Minh) và chuyển thành chi nhánh của Ngân hàng này, với tên gọi là Chi nhánh Seaprodex, hội sở tại 87 Hàm Nghi - Quận I - Tp. Hồ Chí Minh. Sau khi sáp nhập chức năng hoạt động sẽ được mở rộng hơn, nhằm phục vụ tốt cho đầu tư sản xuất và hỗ trợ vốn xuất nhập khẩu của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam cũng như của ngành thủy sản nói chung và các thành phần kinh tế khác. ■

Chế biến tôm sú xuất khẩu ở Công ty Xuất nhập khẩu thủy
đặc sản Seasapimex
Ảnh: PV

VIỆN NGHIÊN CỨU NUÔI TRỒNG THỦY SẢN II

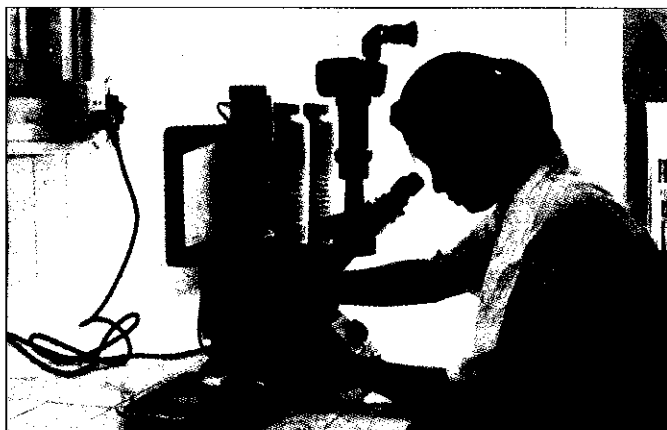
A. TIỀM LỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ:

1. Đội ngũ cán bộ kỹ thuật :

- Tiến sĩ : 6 người, Thạc sĩ : 22 người, Kỹ sư, cử nhân : 68 người

2. Các phòng thí nghiệm :

- Phòng thí nghiệm sinh học thực nghiệm (bảo quản tinh, nuôi và lưu giữ tảo, nuôi tế bào, công nghệ di truyền)
- Phòng thí nghiệm bệnh thủy sản (tổ chức học, vi khuẩn, vi rút, phân lập và nuôi cấy tế bào).
- Phòng thí nghiệm môi trường và nguồn lợi thủy sản (ngư loại, sinh học sinh sản cá, chất lượng nước).
- Phòng thí nghiệm công nghệ chế biến và sinh học thủy sản (hoá sinh dinh dưỡng, vi sinh thực phẩm, công nghệ bảo quản và chế biến, thiết bị công nghệ)



Kiểm tra bệnh học tế bào

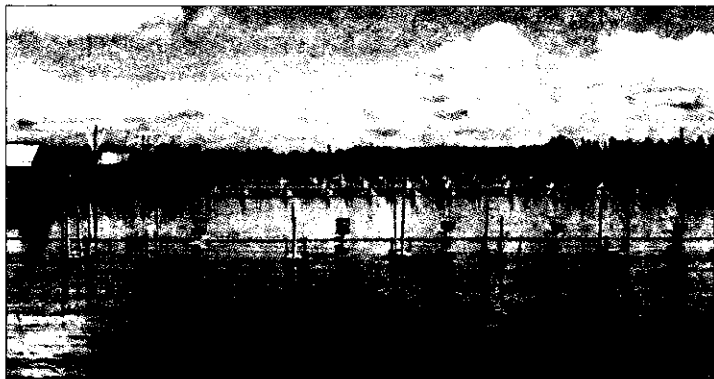
B. CÁC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU NỔI BẬT VÀ CÁC CÔNG NGHỆ SẴN SÀNG CHUYỂN GIAO

1. Quy trình kỹ thuật sản xuất giống cá nước ngọt : mè vinh, trê lai, bống tượng, sặc rằn, rô đồng, tra, basa, hủ, chài....
2. Quy trình kỹ thuật sản xuất giống tôm sú chất lượng cao.
3. Quy trình kỹ thuật sản xuất giống tôm càng xanh qui mô nông hộ.
4. Mô hình nuôi tôm sú công nghiệp qui mô nông hộ và trang trại.
5. Mô hình nuôi tôm càng xanh thương phẩm qui mô nông hộ.
6. Mô hình nuôi cá trong ruộng lúa vùng ngập lũ.
7. Công nghệ xử lý nước và làm sạch nền đáy ao nuôi bằng phương pháp sinh học.
8. Các phương pháp dự báo và chẩn đoán bệnh thủy sản (tôm, cá)
9. Một số chế phẩm phòng trừ bệnh tôm cá (vaccine, probiotic...)
10. Phương pháp bảo quản đông lạnh tinh dịch và phối một số loài tôm, cá kinh tế phục vụ cho sinh sản nhân tạo.
11. Công nghệ và thiết bị sản xuất thức ăn viên công nghiệp nuôi tôm, cá chất lượng cao.
12. Công nghệ và thiết bị sản xuất thức ăn nuôi thủy sản dùng nguyên liệu sẵn có tại địa phương phù hợp với điều kiện các cụm dân cư nông thôn và nông hộ.
13. Công nghệ sử dụng chế phẩm CMS của công ty Vedan Việt Nam thay thế bột cá trong sản xuất thức ăn cho một số loài cá nuôi ở đồng bằng sông Cửu Long.

14. Công nghệ chế biến bột cá qui mô nhỏ từ nhiều loại cá tạp.
15. Công nghệ sản xuất một số sản phẩm chất lượng cao từ cá nội đồng đặc sản và nhuyễn thể.
16. Ứng dụng chế phẩm sinh học, hoá học, lí hoá trong bảo quản tôm, cá sau thu hoạch.
17. Quy trình sản xuất Artemia thu trung bào xác và sinh khối trên ruộng muối.

C. CÁC DỊCH VỤ TƯ VẤN KHCN TRONG LĨNH VỰC NUÔI TRỒNG THỦY SẢN:

1. Điều tra qui hoạch ; đánh giá tác dụng môi trường ; nguồn lợi thủy sản.
2. Tư vấn nghề nuôi các đối tượng thủy sản nước ngọt, nước mặn và nước lợ.
3. Tư vấn xây dựng các dự án, tư vấn thiết kế các công trình phục vụ nuôi trồng thủy sản (trại sản xuất giống, công trình nuôi, cơ sở hạ tầng)
4. Khảo nghiệm, đánh giá về giống thủy sản, thức ăn nuôi thủy sản, thuốc thú y và hoá chất dùng trong nuôi trồng và chế biến thủy sản.
5. Tư vấn cho các chương trình phát triển thủy sản, khuyến ngư và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực thủy sản.



Địa chỉ : 116 Nguyễn Đình Chiểu,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
ĐT : (84.8) 8.299.592 - 8.230.676
Fax : (84.8) 8.226.807
E-mail : RIA2@netnam2.org.vn

Mô hình nuôi tôm sú công nghiệp

THỰC TIỄN VÀ CÁC GIẢI PHÁP CẢI THIỆN ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG NỮ TRONG NGÀNH THỦY SẢN

● HOÀNG HÀ NỘI

Trong khuôn khổ dự án phối hợp nghiên cứu về lao động nữ "Việc làm và đảm bảo xã hội tốt hơn cho lao động nữ trong quá trình đổi mới" của Tổ chức Lao động Quốc tế ILO và Bộ LĐTB&XH tổ chức ngày 12-14/7/2000 tại Hà Nội, tại hội thảo quốc gia về vấn đề này, CĐTSVN đã có tham luận: "Thực tiễn và các giải pháp cải thiện điều kiện lao động đối với lao động nữ trong ngành thủy sản". Đây là một trong những tham luận được đánh giá cao trong hội thảo (về thực tiễn, các giải pháp và kiến nghị).

1. Bối cảnh chung

a/ Một số đặc điểm của ngành thủy sản

Nghề cá của Việt Nam là nghề cá nhân dân. Lao động thủy sản hiện nay có khoảng 3,4 triệu người được phân bố trong các lĩnh vực như sau (số liệu ước tính năm 2000): Khai thác: 484.000 lao động; Nuôi trồng thủy sản: 559.000 lao động; Chế biến thủy sản: 77.000 lao động; Lao động dịch vụ, thương mại, hậu cần cơ khí, quản lý, nghiên cứu khoa học....: 2.171.000 lao động.

Kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 8,9% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, đứng hàng thứ 5 sau dầu thô, dệt may, da giày và gạo.

Ngành thủy sản được Đảng và Nhà nước xác định là ngành kinh tế mũi nhọn. Hiện nay đang được đầu tư để thực hiện đồng thời 3 chương trình lớn là: khai thác hải sản xa bờ,

phát triển nuôi trồng thủy sản, chế biến và xuất khẩu thủy sản (lấy chế biến xuất khẩu làm mũi nhọn).

Đặc điểm lao động ngành thủy sản thuộc nhóm nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Người lao động phải làm việc trong các điều kiện thiếu vệ sinh, nhiều rủi ro, nguy hiểm do quá trình sản xuất nghề cá luôn luôn gắn với sông nước, môi trường có hàm lượng muối ăn mòn cao, đối tượng sản phẩm thủy sản mauươn thối. Hơn nữa thủy sản phải chịu ảnh hưởng trực tiếp của thiên tai như bão, lũ, lốc xoáy... hàng năm gây thiệt hại rất lớn về người và của.

Phần lớn lao động trong các lĩnh vực sản xuất thủy sản vẫn là lao động thủ công, trong đó các điều kiện đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động còn nhiều thiếu thốn.

Trong nghề nuôi trồng thủy sản, người lao động phải tiếp xúc liên tục với môi trường nước, phần lớn là nước mất vệ sinh hay chưa được xử lý, phương tiện bảo vệ cá nhân kém.

Trong chế biến thủy sản (lĩnh vực có trình độ công nghệ cao trong ngành) thì điều kiện lao động đã được nâng cao đáng kể trong hơn 10 năm đổi mới. Nhưng hiện nay 2/3 các doanh nghiệp chế biến thủy sản chưa đáp ứng được yêu cầu về điều kiện sản xuất và đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm theo đòi hỏi ngày càng cao của thị trường.

Theo tài liệu nghiên cứu của Viện KHKT BHLĐ của Tổng LĐLĐ Việt Nam và của Bộ Thủy sản thì lĩnh vực chế biến thủy sản có nhiều nữ nhất (do yêu cầu công việc và

tính chất công việc phải đảm bảo kiên trì, khéo léo). Lao động nữ (LĐN) trong khu vực này chiếm trên 80% (khảo sát của dự án INT/95/M10/DAN do ILO và Chính phủ Đan Mạch tài trợ - tổng kết năm 1999 tại Hà Nội). Chỉ tính riêng 64 doanh nghiệp mạnh của ngành chế biến thủy sản đã có 38.559/47.024 LĐN (82%) (thống kê năm 1998).

b/ Chủ trương, biện pháp của ngành đối với công tác cải thiện điều kiện lao động trong ngành thủy sản

- Bộ Thủy sản, CĐTSVN đã có nhiều cố gắng trong việc triển khai Bộ Luật lao động (năm 1995) và các văn bản dưới luật của Chính phủ, các Bộ đối với việc thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động.

- Về lao động trên biển: Bộ đã triển khai Nghị định Chính phủ số 72/1998/NĐ-CP về đảm bảo an toàn cho người và phương tiện hoạt động nghề cá trên biển; Bộ đã thành lập Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn từ TƯ đến cơ sở (Quyết định số 183/1999/QĐ-BTS).

- Bộ Thủy sản đã phê duyệt chương trình hành động ATVSLĐ ngành thủy sản (ngày 29/9/1999- trong khuôn khổ dự án INT/95/M10/DAN do Viện KHKT BHLĐ của Tổng LĐLĐ Việt Nam và Bộ Thủy sản xây dựng). Đây là một trong những chương trình trọng tâm về ATVSLĐ của ngành từ trước tới nay.

- Thực hiện Nghị định 06/CP

ngày 20/1/1995 của Chính phủ qui định chi tiết một số điều của Bộ Luật Lao động về ATVSLĐ và Thông tư liên tịch số 14/TTLT của Bộ LĐTB và XH, Bộ Y tế, Tổng LĐLĐ Việt Nam, tại hầu hết các doanh nghiệp của ngành đã triển khai tổ chức thành lập hội đồng BHLĐ và mạng lưới ATVSLĐ viên, có nội qui rõ ràng, chi trả tiền và trang bị cho người lao động, phòng chống cháy nổ... hóa chất khá tốt.

- Bộ Thủy sản, CĐTSVN đã đề xuất và được công nhận thêm 28 loại công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm cho ngành thủy sản (quyết định số 190/QĐ/BLĐTBXH ngày 3/3/1999). Hiện nay các doanh nghiệp trong ngành (đặc biệt là chế biến thủy sản) đã và đang triển khai thực hiện, bước đầu có hiệu quả.

- Trung tâm kiểm tra chất lượng và vệ sinh thủy sản (NAFIQACEN) của Bộ đã triển khai 26 chi nhánh của mình tại các tỉnh, thành phố trọng điểm nghề cá. Đây là thuận lợi trong việc kiểm tra vệ sinh lao động của người lao động và trang bị phòng hộ cá nhân cho người lao động. NAFIQACEN đã hoạt động rất hiệu quả trong lĩnh vực kiểm tra ATVSLĐ thành phẩm và yêu cầu về BHLĐ cá nhân.

Hiện nay Viện KHKT BHLĐ đang triển khai đề tài nghiên cứu chế tạo kem bảo vệ da cho công nhân lao động thủy sản. Đây là việc làm cần thiết.

2. Tình hình điều kiện lao động đối với LĐN thủy sản - nhất là chế biến thủy sản

Như trên đã nêu, LĐN thủy sản chủ yếu là ở chế biến thủy sản (chiếm khoảng 82% trong số lao động chế biến thủy sản) thường xuyên tiếp xúc với môi trường lạnh, có độc hại (chiếm 22/28 loại công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo QĐ 190/1999/QĐ-BLĐTBXH ngày 3/3/1999).

Theo tài liệu khảo sát của dự án INT/95/M10/DNA năm 1999 thì:

- Tỷ lệ nữ công nhân lao động trong việc trực tiếp chế biến thủy sản đạt 87,43%.

- Hàng ngày chị em phải lao động trong điều kiện khá nặng nhọc, độc hại (85,61% tiếp xúc với ẩm ướt-độ ẩm không khí >90%; 75,15% tiếp xúc với yếu tố lạnh là nước đá và sản phẩm đông lạnh. Tác động đồng thời của hai yếu tố lạnh và ẩm ướt là điều kiện thuận lợi để các chứng bệnh phát triển (thấp khớp: 31,08%; họng, xoang: 36,55%; ngứa, ngạt mũi: 30,62%; dị ứng 26,08%...). Tư thế đứng lâu gây chóng mặt: 48,89%; mờ mắt: 33,06%; đau cơ, xương, khớp: 39,52%.

- Trong danh mục 49 công việc không được sử dụng LĐN (phụ lục của TT 03/TTLB ngày 28/1/1994 của Bộ LĐTBXH-Bộ Y tế thì LĐN không được mang vác vật nặng > 50kg (danh mục số 42). Đối với thủy sản loại công việc này đã bắt đầu được các doanh nghiệp bố trí, sắp xếp, đổi chỗ để tránh LĐN làm công việc này.

3. Đánh giá việc thực hiện chính sách về cải thiện điều kiện lao động đã tác động đến LĐN thủy sản

a/ Thuận lợi

Riêng đối với lĩnh vực chế biến thủy sản theo yêu cầu của khách hàng về nâng cao chất lượng nên các điều kiện ATVSLĐ đã được cải thiện như:

- Trang bị đủ ủng, giày, găng tay, khẩu trang, áo chống lạnh...

- Trang bị và thực hiện tốt vệ sinh cá nhân trước, trong và sau khi làm việc.

- Doanh nghiệp thanh toán đủ tiền bồi dưỡng độc hại theo Quyết định 190/1999/QĐ-BLĐTBXH ngày 3/3/1999.

- Bước đầu một số doanh

nh nghiệp đã chuyển, bố trí lại chỗ làm việc... tránh nữ CNLĐ làm ở các khâu nặng nhọc như bốc vác hàng vào, ra, làm việc ở hầm lạnh...

- Thanh toán đủ tiền làm thêm giờ, thêm ca theo chế độ; tổ chức tốt bữa ăn công nghiệp giữa ca.

- Tổ chức công đoàn đã tham gia giám sát việc thực hiện chế độ chính sách với LĐN.

b/ Hạn chế

- Môi trường lao động thủy sản nhìn chung là độc hại, nguy hiểm, cần được quan tâm nghiên cứu kĩ lưỡng hơn nữa để có biện pháp và các văn bản pháp qui, quán triệt và thực hiện nghiêm chỉnh các qui định về ATVSLĐ trong ngành thủy sản.

- Theo báo cáo của công đoàn cơ sở thì hầu hết chị em chỉ công tác trong lĩnh vực chế biến thủy sản đến tuổi 45 là khó có thể tiếp tục công việc được vì hạn chế về sức khỏe, độ khéo léo, bệnh tật phát triển....

- Ngành thủy sản chưa phối hợp tốt với các cơ quan hữu quan để nghiên cứu, đề xuất nên Chính phủ chưa công nhận bệnh nghề nghiệp do môi trường lao động thủy sản gây ra. Đây là thiệt thòi cho nữ CNLĐ và lao động toàn ngành nói chung.

4. Khuyến nghị, đề xuất

a/ Ngành cần đẩy mạnh nghiên cứu KHKT BHLĐ, áp dụng tiến bộ kĩ thuật để cải thiện điều kiện lao động cho CNTS, đặc biệt là công nhân nữ.

b/ Ngành cần phối hợp tốt hơn nữa với Viện KHKT BHLĐ, Y tế, BHXH, tổ chức công đoàn... nghiên cứu, đề xuất để Chính phủ công nhận một số bệnh nghề nghiệp cho lao động thủy sản do môi trường lao động thủy sản gây nên.

c/ Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, huấn luyện ATVSLĐ và hoàn thiện các văn bản pháp qui về ATVSLĐ trong ngành. ■



NĂM HOẠT ĐỘNG CỦA THANH TRA BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN

● ĐÀO VĂN THIÊN

Pháp lệnh BV & PTNLTS được Hội đồng Nhà nước ban hành từ năm 1989. Tổ chức BVNLTS được thành lập và hoạt động từ năm 1991. Song song với nó, lực lượng thanh tra BVNLTS cũng được hình thành và đi vào hoạt động từ năm 1992, tuy nhiên hệ thống thanh tra BVNLTS từ TƯ đến các địa phương chỉ chính thức được công nhận từ khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 415 TTg ngày 10/8/1994 về qui chế tổ chức và hoạt động của thanh tra BVNLTS.

Nhìn lại chặng đường 5 năm hoạt động của lực lượng thanh tra BVNLTS chúng ta thấy thành tích đạt được không nhỏ, song cũng còn nhiều tồn tại cần khắc phục.

Những thành tích đã đạt được

- Tổ chức thanh tra BVNLTS đã được thành lập từ TƯ đến hầu hết các tỉnh. ở TƯ có thanh tra BVNLTS TƯ trực thuộc Cục BVNLTS và tại địa phương có 36 đơn vị thanh tra BVNLTS thuộc các chi cục ở 28 tỉnh ven biển và 8 tỉnh nội đồng.

- Đã đào tạo và bổ nhiệm 378 thanh tra viên và 21 kiểm soát viên (số liệu tính đến 31/12/1999).

- Cơ sở vật chất kĩ thuật tuy còn hạn chế, song bước đầu đã thực hiện được công tác kiểm tra, kiểm soát và xử lí vi phạm ở các vùng trọng điểm. Đến nay đã có 92 phương tiện kiểm tra, kiểm soát trong đó có 54 tàu kiểm ngư, 38 ca nô và nhiều dự án đóng tàu kiểm ngư đang được triển khai từ nguồn vốn Biển Đông - Hải đảo và nguồn vốn ODA....

- Hệ thống các văn bản qui phạm pháp luật về

thanh tra BVNLTS đã được xây dựng và ban hành khá hoàn chỉnh. Ngoài qui chế về tổ chức và hoạt động của thanh tra BVNLTS, chúng ta đã ban hành các qui định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVNLTS, về chế độ trang bị đồng phục, chế độ đào tạo bồi dưỡng, cấp thẻ thanh tra viên, chế độ được hưởng như thương bệnh binh liệt sĩ trong khi thi hành công vụ, chế độ bồi dưỡng đi biển....

- Đã tham gia thực hiện tốt công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật về BVNLTS trên các phương tiện thông tin đại chúng, xây dựng hàng ngàn panô áp phích, tổ chức hàng vạn lớp tuyên truyền và tổ chức cho ngư dân kí cam kết không vi phạm các qui định về BVNLTS. Nhiều bà con sau khi được giáo dục đã tự giác nộp lại các công cụ cấm như vũ khí, chất nổ, xung điện cho các cơ quan có thẩm quyền.

- Hoạt động kiểm tra kiểm soát:

Chỉ tính 5 năm gần đây, lực lượng thanh tra BVNLTS đã bắt và xử lí 97.316 vụ vi phạm, thu tiền phạt và nộp ngân sách trên 26 tỉ 900 triệu đồng, tịch thu 696 phương tiện và trên 40 ngàn tang vật vi phạm.

Công tác chống sử dụng chất nổ để khai thác thủy sản đã được tập trung chỉ đạo từ năm 1991; song từ ngày 2/1/1998, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 01/1998/CT-TTg về nghiêm cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy

sản, công tác này được triển khai mạnh mẽ hơn, quyết liệt hơn.

Trong hai năm 1998-1999 các lực lượng kiểm tra, kiểm soát đã xử lý 176 vụ vận chuyển, buôn bán, tàng trữ vật liệu nổ, tịch thu 10.149 kg thuốc nổ, 65.342 kíp nổ, 8.002m dây cháy chậm, 290 quả lựu đạn.

Bắt và xử lý 154 vụ gồm 243 đối tượng sử dụng chất nổ để khai thác thủy sản, tịch thu 1.696 kg thuốc nổ, 7.291 kíp nổ và 2.577m dây cháy chậm.

Bắt và xử lý 13.050 vụ sử dụng xung điện để khai thác thủy sản, tịch thu 12.168 bộ kích điện, 2.751 bình ắc qui. Xử lý 350 vụ sử dụng xung điện để khai thác thủy sản, phạt gần 60 triệu đồng.

Có những vụ điển hình như vụ tàu Quảng Ngãi số 6075TS đã bị lực lượng kiểm tra kiểm soát của Bình Thuận bắt tháng 5/1998 vì đã sử dụng chất nổ để khai thác thủy sản và chống lại người thi hành công vụ. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã xử phạt 26 năm, 6 tháng tù giam đối với 11 bị can trên tàu.

Ngoài ra lực lượng thanh tra BVNLTS đã phối hợp với lực lượng biên phòng trực tiếp truy bắt được 41 tàu nước ngoài xâm phạm vùng biển Việt Nam đánh bắt trộm hải sản (Cà Mau 26 tàu, Quảng Ninh 12 tàu, Kiên Giang 3 tàu).

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo:

Đã phối hợp với các tỉnh giải quyết 6 vụ tranh chấp về ngư trường giữa các địa phương và trên 30 vụ tranh chấp giữa các nghề khai thác, điển hình là các vụ tranh chấp giữa nghề pha xúc và mành đèn giữa ngư dân các tỉnh Bình Thuận với Ninh Thuận và ngư dân Quảng Ngãi với Ninh Thuận.

Một số việc làm chưa đúng của thanh tra BVNLTS đã được phát hiện và uốn nắn kịp thời như thẩm quyền tạm giữ tang vật, việc tịch thu các máy móc thông tin, bộ đàm, máy định vị....

Có thể nói sau 10 năm hoạt động của lực lượng BVNLTS và sau 5 năm hoạt động của thanh tra BVNLTS, số vụ vi phạm các qui định về BVNLTS đã giảm đi rất nhiều. Tình trạng sử dụng chất nổ để khai thác thủy sản ở vùng ven bờ, các ngư trường trọng điểm đã giảm đi rõ rệt, có nơi giảm đến 100%.

Một số tồn tại và biện pháp khắc phục

- Tổ chức thanh tra BVNLTS còn yếu cả về số lượng và chất lượng, trang bị cơ sở vật chất còn bị

hạn chế, chưa đáp ứng được nhiệm vụ BVNLTS trên vùng biển rộng lớn của nước ta. Công tác thanh tra BVNLTS ở nhiều tỉnh nội đồng còn bị bỏ trống chưa có tổ chức. Cán bộ chuyên trách công tác thanh tra BVNLTS còn ít, hầu hết là cán bộ kiêm nhiệm các nhiệm vụ của Chi cục khi cần thiết mới điều đi kiểm tra kiểm soát.

Cần tiếp tục nghiên cứu xây dựng và ban hành chế độ tiền lương đối với thanh tra BVNLTS. Xem xét lại tiêu chuẩn các chức danh đối với thanh tra viên và kiểm soát viên phù hợp với trình độ thực tế hiện nay của lực lượng cán bộ các địa phương. Tiếp tục trang bị thêm tàu kiểm ngư cho các tỉnh để nâng cao hiệu quả của công tác thanh tra. Kiến nghị với Chính phủ cho lực lượng thanh tra BVNLTS được trang bị và sử dụng các loại vũ khí cần thiết như lực lượng kiểm lâm hiện nay.

Cần có sự phân định rõ ràng về trách nhiệm kiểm tra kiểm soát và xử lý các hành vi vi phạm các qui định về BVNLTS giữa các lực lượng biên phòng, cảnh sát biển... Riêng khu vực nội đồng, cần phân công trách nhiệm cho UBND các xã, huyện, lực lượng cảnh sát trong việc kiểm tra kiểm soát và xử lý vi phạm các qui định về BVNLTS xảy ra trên các sông ngòi, đầm, phá, kênh rạch, nơi mà lực lượng thanh tra BVNLTS khó có khả năng bao quát được.

Nghiên cứu sửa đổi bổ sung Nghị định 48 CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVNLTS. Lưu ý đến thẩm quyền tạm giữ tang vật của thanh tra BVNLTS, qui định chi tiết thêm các hành vi và mức phạt đối với các vi phạm về BVNLTS, tăng thêm hình thức phạt cảnh cáo, làm rõ thêm mức tịch thu phương tiện vi phạm (tàu thuyền)... nhằm nâng cao hiệu lực thi hành của các văn bản qui phạm pháp luật.

Tiếp tục phối hợp với các lực lượng, với UBND các cấp, các tổ chức xã hội làm tốt hơn nữa công tác tuyên truyền giáo dục để mọi người hiểu rõ và tự giác thi hành pháp luật về thủy sản.

Phát huy những thành tích đã đạt được, khắc phục các tồn tại đã nêu, hy vọng rằng công tác thanh tra BVNLTS sẽ thu được những thành tích to lớn hơn nữa, góp phần làm cho nguồn lợi thủy sản được bảo vệ và phát triển không ngừng, phục vụ thắng lợi mục tiêu kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài của ngành thủy sản. ■



VẤN ĐỀ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT bảo vệ nguồn lợi thủy sản cho ngư dân

● LÊ HÀ

Dùng bình xịt Xyanua vào rạn san hô để khai thác cá

Việt Nam được xếp vào một trong những quốc gia hàng đầu thuộc khu vực Châu Á - Thái Bình Dương có tiềm năng phát triển kinh tế thủy sản. Qua hơn 20 năm đổi mới, chuyển đổi cơ chế quản lý, ngành thủy sản đã liên tục tăng trưởng, trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn.

Tuy nhiên với những quan niệm lạc hậu và sự thúc bách của việc kiếm sống, trong nhiều năm qua ngư dân ta đã khai thác hải sản bằng mọi phương pháp, vi phạm các qui định về BVNLTS dẫn đến sự suy giảm rõ rệt nguồn lợi thủy sản ven bờ (ước tính nguồn lợi thủy sản ven bờ đã bị khai thác quá mức cho phép từ 10-12%).

Hàng năm, lực lượng thanh tra BVNLTS đã phát hiện và xử lý hàng chục ngàn vụ vi phạm. Chỉ tính 5 năm gần đây, lực lượng thanh tra BVNLTS đã bắt và xử lý 97.316 vụ vi phạm, thu tiền phạt và nộp ngân sách trên 26 tỉ 290 triệu đồng; tịch thu gần một ngàn phương tiện và trên 40 ngàn tang vật vi phạm.

Những số liệu trên đã cho thấy, tuy đã có rất nhiều cố gắng trong công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, song không thể phủ nhận một thực tế đang tồn

tại là đa số ngư dân còn thiếu hiểu biết về pháp luật, đặc biệt là pháp luật về BVNLTS. Tuy nhiên, việc thực hiện pháp luật về BVNLTS còn tùy thuộc vào trình độ nhận thức pháp luật và trạng thái tâm lý pháp luật của ngư dân- ý thức pháp luật của ngư dân càng cao thì sự tuân thủ (pháp luật), sử dụng (pháp luật) và chấp hành pháp luật của họ càng đúng đắn.

Tất cả những vấn đề nêu trên đã khẳng định việc giáo dục pháp luật cho ngư dân là một trong những biện pháp quan trọng hàng đầu để nâng cao ý thức pháp luật cho ngư dân.

Giáo dục pháp luật là việc sử dụng những hình thức khác nhau tác động có hệ thống và thường xuyên tới ý thức của con người nhằm trang bị cho họ những kiến thức pháp lý nhất định để từ đó họ có những nhận thức đúng đắn về pháp luật, tôn trọng và tự giác xử sự theo yêu cầu của pháp luật; chỉ khi nào ngư dân hiểu và tự nguyện thi hành thì pháp luật mới thực sự đi vào cuộc sống. Khi tiến hành công tác giáo dục pháp luật cho ngư dân cần chú ý một số vấn đề có tính nguyên tắc sau:

- Phải xem xét khả năng tiếp thu, lĩnh hội những

kiến thức pháp lý cũng như những tập quán xã hội của các khu vực cộng đồng ngư dân, từ đó lựa chọn những biện pháp và hình thức giáo dục thích hợp.

- Kích thích và phát triển tính tích cực pháp lý của ngư dân, hình thành ở họ thái độ đấu tranh đối với những vi phạm pháp luật nói chung và pháp luật về BVNLTS nói riêng.

- Kết hợp giáo dục pháp luật về BVNLTS và giáo dục đạo đức, làm sáng tỏ tầm quan trọng giá trị xã hội và giá trị đạo đức của các qui phạm pháp luật BVNLTS.

Từ những nguyên tắc trên, để thực hiện tốt công tác giáo dục pháp luật BVNLTS cần tiến hành đồng bộ những biện pháp:

- Đẩy mạnh việc thông tin, tuyên truyền, giải thích pháp luật để ngư dân nắm được nội dung, yêu cầu của các văn bản qui phạm pháp luật hiện hành. Biện pháp này đang được áp dụng khá rộng rãi thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (đài truyền thanh, truyền hình), các ấn phẩm tuyên truyền như sách, báo, pa nô, áp phích, tờ rơi..., các khóa tập huấn, phổ biến về pháp luật BVNLTS....

Chúng ta khó có thể làm cho ngư dân hiểu ngay pháp luật và tuân theo bằng cách chỉ truyền đạt cho họ nguyên văn các văn bản qui phạm pháp luật BVNLTS đang hiện hành, mà không giải thích chi tiết, tỉ mỉ nội dung văn bản, phân tích lợi hại và kiên trì vận động mọi người thực hiện. Vì vậy, áp dụng biện pháp này cần dựa vào trình độ dân trí của từng khu vực cộng đồng ngư dân để có hình thức tuyên truyền, giải thích phù hợp.

Đối với khu vực cộng đồng ngư dân có trình độ dân trí thấp, nên chú trọng các biện pháp tuyên truyền bằng hình ảnh kết hợp với việc giải thích nội dung, tư tưởng của các qui phạm pháp luật BVNLTS tương ứng. Việc tuyên truyền cần được tiến hành thường xuyên với nhiều cách thức tuyên truyền khác nhau (chiếu phim, hò vè, thơ ca, tuồng, chèo, kịch... hoặc có thể lồng ghép vào chương trình các lễ hội...); Nội dung tuyên truyền, giải thích nên tập trung vào những vấn đề về khai thác và BVNLTS thường diễn ra ở khu vực cộng đồng ngư dân đó để phân tích tác hại của những vi phạm, thông qua đó giải thích những lí do tại sao lại có những qui phạm pháp luật tương ứng (ví dụ khi giải thích việc cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc khai thác thủy sản, chúng ta thường phải nêu bật được tác hại cho chính bản thân người sử dụng, tác hại cho nguồn lợi, môi trường... từ đó mới tiến

hành giải thích các qui phạm pháp luật).

Đối với khu vực cộng đồng ngư dân có trình độ dân trí cao hơn, thì nội dung và hình thức tuyên truyền ở mức độ cao hơn, sâu rộng hơn.

- Tăng cường công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, viên chức, thực thi pháp luật BVNLTS, mà nòng cốt là thanh tra BVNLTS. Việc xây dựng được đội ngũ thanh tra BVNLTS có kiến thức và ý thức pháp luật cao sẽ góp phần quan trọng trong việc giáo dục, nâng cao ý thức pháp luật cho ngư dân.

Mặc dù nhiệm vụ của lực lượng thanh tra BVNLTS chủ yếu là kiểm tra, kiểm soát, phát hiện và xử lí những vi phạm pháp luật BVNLTS, song lực lượng này cũng cần phải xây dựng được mối quan hệ làm việc mang tính chất "hợp tác" với ngư dân. Lực lượng thanh tra BVNLTS phải được ngư dân nhìn nhận là người "hợp tác" với họ nhằm BVNLTS, cũng chính là bảo vệ nguồn sống, nguồn thu nhập của ngư dân; và tất nhiên lúc đó nhận thức cũng như ý thức pháp luật BVNLTS của ngư dân sẽ được nâng cao một cách đáng kể.

- Đưa việc giảng dạy pháp luật BVNLTS vào chương trình đào tạo của các trường học của Nhà nước (từ phổ thông đến đại học), các trường học của các tổ chức xã hội tại các khu vực cộng đồng ngư dân. Đây là biện pháp nhằm phổ cập hóa những kiến thức cơ bản về pháp luật BVNLTS cho những đối tượng có khả năng tiếp thu, lĩnh hội nhanh. Sau khi tiếp thu những kiến thức pháp luật đó, những đối tượng này sẽ có những tác động, ảnh hưởng tới ý thức pháp luật BVNLTS của cả cộng đồng ngư dân.

- Mở rộng công khai, dân chủ trong hoạt động của bộ máy các cơ quan BVNLTS, thu hút ngư dân tham gia vào việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật BVNLTS thông qua việc tổ chức lấy ý kiến, tiếp thu ý kiến đóng góp của ngư dân về các qui định pháp luật trong lĩnh vực BVNLTS. Đây cũng là biện pháp có tác dụng rất tích cực đối với việc nâng cao ý thức pháp luật về BVNLTS của ngư dân. Bởi vì nếu thực hiện tốt biện pháp này, thì xét về một khía cạnh nào đó người ngư dân sẽ phải thực hiện những qui định mà chính họ đặt ra, lúc đó ý thức pháp luật của họ sẽ cao hơn.

- Tăng cường đấu tranh với những vi phạm pháp luật về BVNLTS. Quá trình đấu tranh này cần kết hợp hoạt động của lực lượng thanh tra BVNLTS, các cơ quan bảo vệ pháp luật khác với sức mạnh của dư luận quần chúng; kích thích và phát huy thái độ đấu tranh với những vi phạm pháp luật BVNLTS của ngư dân

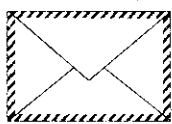
bằng các biện pháp như khen thưởng (tinh thần và vật chất) cho ngư dân có công phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm, hoặc có thể áp dụng các biện pháp khác như đặt hòm thư hay đường dây nóng tố cáo các hành vi vi phạm....

Việc loại trừ những vi phạm pháp luật BVNLTS, bảo vệ được những quyền lợi và lợi ích hợp pháp của ngư dân cũng tác động mạnh mẽ tới sự phát triển và nâng cao ý thức pháp luật cho ngư dân.

Ngày càng hoàn thiện hệ thống các văn bản qui phạm pháp luật, các qui định về BVNLTS theo hướng cụ thể hóa, đi sâu vào đời sống xã hội.

Hiện nay, việc giáo dục nhằm nâng cao ý thức pháp luật BVNLTS cho ngư dân là một vấn đề không thể giải quyết trong "một sớm, một chiều", mà phải được tiến hành thường xuyên, liên tục; áp dụng đồng bộ nhiều biện pháp với sự phối hợp của các ngành, các cơ quan, tổ chức khác nhau; tùy theo từng khu vực cộng đồng ngư dân với những tập quán xã hội để sáng tạo những phương pháp giáo dục khác nhau.

Làm tốt công tác này sẽ góp phần không nhỏ vào sự nghiệp bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, thúc đẩy sự phát triển của ngành thủy sản và góp phần nâng cao trình độ dân trí, ý thức tự giác chấp hành pháp luật của ngư dân



LỜI CẢM ƠN

Nhân kỉ niệm 15 năm tạp chí Thủy sản xuất bản số đầu tiên, Toà soạn đã nhận được thư chúc mừng của Bộ trưởng Bộ Thủy sản, cùng nhiều thư, điện chúc mừng, những ý kiến đóng góp chí tình cũng như những hỗ trợ, động viên vật chất và tinh thần của bạn đọc thân thiết, của các cơ quan quản lí ngành, các đơn vị sản xuất, các cộng tác viên xa gần.

Tạp chí Thủy sản chân thành cảm ơn lãnh đạo Bộ, và các đơn vị, các cộng tác viên về những giúp đỡ đối với Tạp chí trong thời gian qua. Hy vọng trong thời gian tới dưới sự lãnh đạo của Ban cán sự Đảng, lãnh đạo Bộ Thủy sản và sự động viên khích lệ của bạn đọc, Tạp chí Thủy sản sẽ tăng cường cải tiến nội dung và hình thức để hoàn thành tốt nhiệm vụ và đáp ứng sự yêu mến tin cậy của bạn đọc.

TẠP CHÍ THỦY SẢN

Chuyển biến trong công tác QUẢN LÝ GIỐNG TÔM BIỂN Ở BẾN TRE

● HOÀNG NGUYỄN

Phong trào nuôi tôm ở Bến Tre hiện nay tiếp tục phát triển, diện tích nuôi ngày càng mở rộng nhất là tại các xã cấy lúa một vụ ở Ba Tri, Bình Đại và Thạnh Phú. Vì vậy lượng tôm giống nhập về tỉnh tăng lên khá cao, gấp đôi so với vụ năm 1998-1999. Đa số tôm nhập có xuất xứ từ Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận, Vũng Tàu, Đà Nẵng...

Ngay từ đầu vụ tôm năm nay, Chi cục BVNLTS Bến Tre đã phối hợp với Phòng NN & PTNT các huyện triển khai công tác quản lý giống đến tận các hộ kinh doanh, tổ chức giám sát tôm giống nhập tỉnh, tiến hành kiểm tra và thường xuyên tập huấn cho bà con ngư dân ở các vùng nuôi một số kiến thức cơ bản trong việc chọn giống tốt để thả nuôi.

Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng công tác quản lý giống mùa vụ 1999-2000 còn gặp không ít khó khăn từ khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 19 ngày 3/2/2000 về việc bãi bỏ một số loại giấy phép có liên quan đến Luật Doanh nghiệp. Trong đợt I, ngành thủy sản có 7 loại giấy phép được bãi bỏ, trong đó có giấy phép di nhập giống thủy sản. Từ đó một số hộ kinh doanh giống thủy sản khi nhập giống về không báo cho giám sát biết để kiểm tra tôm trước khi thả vào bể, tự ý bán thẳng cho người nuôi không báo cáo Chi cục kiểm dịch trước khi xuất, vì vậy đã phần nào ảnh hưởng đến chất lượng con giống. Qua số lượng thống kê mà chúng tôi có được, trong mùa vụ 1999-2000, Chi cục đã kiểm tra 658 lượt tôm giống nhập tỉnh với trên 200 triệu con giống và phát hiện 15 lượt tôm nhiễm bệnh, xử lý 30 trường hợp vi phạm về vệ sinh thú y thủy sản mà chủ yếu ở các hình thức nhập tôm không được kiểm dịch tại nơi xuất, nhập dư số lượng so với giấy chứng nhận kiểm dịch, tôm không được kiểm dịch trước khi xuất bán cho người nuôi với số tiền thu phạt trên 30 triệu đồng. Ngoài ra, Chi cục cũng đã tiến hành kiểm dịch xuất cho người nuôi 374 lượt với trên 80 triệu tôm sú giống, phát hiện 55 trường hợp tôm bị nhiễm bệnh chủ yếu là bệnh phát sáng, bệnh đỏ thân với số lượng trên 6,5 triệu con, buộc

phải hủy 7 trường hợp với hơn 1 triệu con giống do không thể chữa trị được.

Qua khảo sát thực tế ở các xã ven biển Bến Tre cho thấy lượng tôm giống nhập tỉnh năm nay ước trên 300 triệu con, trong đó số tôm không qua kiểm tra, kiểm soát khá nhiều, nhất là ở 3 xã ven biển của huyện Thạnh Phú, những người bán tôm thường dùng phương tiện vận tải thủy đi đường biển từ Vũng Tàu vào, hoặc dùng xe du lịch vận chuyển nhằm trốn tránh lực lượng kiểm tra.

Để chấn chỉnh công tác quản lý giống trong tình hình mới, Chi cục BVNLTS Bến Tre đã tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục bà con ngư dân về các chủ trương chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực BVNLTS, các qui định của UBND tỉnh về công tác quản lý giống và thú y thủy sản, hướng dẫn cho ngư dân các yêu cầu kỹ thuật trong quá trình nuôi để hạn chế rủi ro, tăng cường công tác kiểm tra - kiểm soát thường xuyên, đồng thời đã đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm để phân tích bệnh và các chỉ tiêu môi trường nuôi để sớm phát hiện và ngăn ngừa dịch bệnh thú y thủy sản. Tuy nhiên, để công tác quản lý giống được tốt hơn, thiết nghĩ ngành thủy sản Bến Tre cần tăng cường hơn nữa sự phối hợp và hỗ trợ của các ngành chức năng trong việc tuyên truyền, đồng thời đẩy mạnh công tác khuyến ngư, có biện pháp xử lý nghiêm đối với người nuôi hoặc hộ kinh doanh không chấp hành qui chế quản lý giống của UBND tỉnh; riêng những trường hợp tôm giống nhập về tỉnh mà không rõ cơ sở kinh doanh, sau khi kiểm tra không có dịch bệnh thì cho phép thả vào vực nước tự nhiên. Đặc biệt cần tổ chức kiểm tra lại tay nghề đối với cán bộ kỹ thuật ở các trại sản xuất-kinh doanh giống thủy sản; qui hoạch lại khu vực, mật độ xây trại giống và sớm tham mưu với UBND tỉnh ban hành các qui định về chống ô nhiễm môi trường cũng như sửa đổi qui chế quản lý giống cho phù hợp với tình hình hiện nay. ■

NGHỆ AN

sau 2 năm thực hiện chỉ thị 01/1998/CT-TTg

● LÊ HỒNG LĨNH

Nghệ An là một trong những tỉnh có thế mạnh về kinh tế biển, vì vậy việc khai thác, bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên nguồn lợi biển là chiến lược lâu dài nhằm cải thiện tốt môi trường sinh thái, góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Một trong những biện pháp quan trọng góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế biển ổn định bền vững là công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản (BVNLTS). Khi Chỉ thị 01/1998/CT-TTg ra đời, UBND tỉnh đã quán triệt nội dung chỉ thị xuống các sở, ban ngành, đồng thời thành lập Ban chỉ đạo cấm sử dụng chất nổ, xung điện và chất độc để khai thác NLTS, do giám đốc Sở Thủy sản làm trưởng ban với sự phối hợp của các ngành: Công an, Bộ chỉ huy quân sự, Sở Văn hóa Thông tin, Bộ đội biên phòng, Đài phát thanh truyền hình, Báo Nghệ An và Chi cục BVNLTS tỉnh.

Ban chỉ đạo đã có qui chế hoạt động, phương án kết hợp giữa các ngành cụ thể và có kế hoạch nội dung hoạt động phù hợp với đặc điểm của tỉnh. Do vậy, trong 2 năm Nghệ An đã đạt được một số kết quả như sau:

Về kiểm tra kiểm soát và xử lý vi phạm:

Đã kiểm tra 690 lượt phương tiện nghề cá hoạt động trên biển và trên sông. Số phương tiện vi phạm Pháp lệnh: 266 chiếc, bằng 38,55%. Số vụ dùng chất nổ bị lực lượng kiểm ngư và liên ngành bắt quả tang: 26 vụ. Buôn bán, tàng trữ, vận chuyển 33 vụ với số lượng 4.501 kg thuốc nổ. Dây cháy chậm 589m. Kíp nổ 14.613 kíp. Số kích điện bị tịch thu 177 bộ, 4 vàng đã tẩm dùng kích điện. Bóng đèn cao áp bị tịch thu 17 bộ. Đã khởi tố 20 vụ. Tổng số đối tượng vi phạm 95 người. Tổng số tiền phạt trong 2 năm là 53.500.000 đồng.

Kết quả thông tin tuyên truyền:

- Đưa tin, bài trên Đài phát thanh và Đài truyền hình tỉnh 8 lượt, trong đó có 7 phóng sự và 3 phóng sự trên Đài trung ương, 1 phóng sự của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Nghệ An tham gia liên hoan phim truyền hình toàn quốc năm 1999, được tặng bằng khen.

- Đăng các báo 158 bài, ảnh, trong đó có 5 bài đăng báo trung ương.

- Tập huấn cho 200 cộng tác viên cơ sở để làm nòng cốt tuyên truyền nội dung Chỉ thị 01 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị 25 của UBND tỉnh.

- Phối hợp với Trung tâm Khuyến ngư, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh và Thành đoàn thành phố Vinh mở các lớp tập huấn cho hàng trăm lượt người về nội dung Chỉ thị 01 của Thủ tướng Chính phủ.

- Hàng trăm lượt tin được phát trên các phương tiện thông tin đại chúng về công tác BVNLTS.

- In 600 văn bản của các ban, ngành liên quan.

- Tờ bướm tuyên truyền 700 tờ.

- áp phích 300 tờ.

- 325 người dự thi về bảo vệ môi trường và nguồn lợi biển.

- Tổ chức cam kết với các chủ phương tiện về việc không dùng chất nổ để khai thác thủy sản với số lượng 100 đơn vị thuyền.

- 100% chủ tịch UBND các phường, xã thuộc thị xã Cửa Lò kí cam kết với Chủ tịch UBND thị xã về việc lãnh đạo ngư dân thuộc phường, xã mình không sử dụng, buôn bán, tàng trữ và vận chuyển thuốc nổ vào lĩnh vực đánh bắt thủy sản. Huyện Quỳnh Lưu có 6/7 xã kí cam kết không sử dụng chất nổ để khai thác thủy sản.

- 4 huyện miền biển đã xây dựng được 1 xã, 1 làng văn hóa và 6 đội tự quản.

- Toàn tỉnh đã chuyển đổi nghề nghiệp được 372 người và 52 hộ sang làm nghề khác.

Trong 6 tháng đầu năm 2000, Chi cục BVNLTS phối hợp với các lực lượng bộ đội biên phòng, công an Nghệ An tổ chức kiểm tra trên biển, trên sông. Đã phát hiện và xử lý 5 vụ dùng kích điện đánh cá sông; nghiêm trọng nhất là vụ 2 thuyền của ngư dân đã dùng chất xyanua để khai thác thủy sản trái phép tại Hòn Mất.

Có được kết quả trên là do sự chỉ đạo kịp thời của UBND tỉnh, hoạt động có hiệu quả của Ban chỉ đạo và có sự phối hợp giữa các cấp, các ngành và sự ủng hộ của ngư dân.

Song, do kinh phí chi cho hoạt động của Ban còn hạn hẹp, lực lượng kiểm tra chuyên ngành ít lại không được trang bị công cụ tự vệ và nguồn vốn cấp để mua nhiên liệu cho các phương tiện kiểm tra, nên kết quả chỉ đạt thấp so với yêu cầu. Do vậy, để đạt hiệu quả cao tiến tới chấm dứt tình trạng dùng chất nổ, xung điện, chất độc đánh bắt các loài thủy sản, cần có sự hỗ trợ mọi mặt của các cấp, các ngành. ■

NGHỀ CÁ CÁC TỈNH PHÍA NAM TRƯỚC MÙA MƯA BÃO NĂM 2000

● NGUYỄN KHÁNH

Rút kinh nghiệm các năm 1997-1999, thực hiện Chỉ thị số 06/2000/CT-TTg ngày 28/3/2000 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 01/2000/CT-BTS ngày 28/2/2000 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản, nghề cá các tỉnh phía Nam đã có những chuyển biến đáng kể đối với công tác PCLB & phối hợp TKCN, giảm nhẹ thiên tai năm 2000, thể hiện ở nhiều mặt:

Về công tác tổ chức PCLB & phối hợp TKCN

- Được UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo chặt chẽ và sự cố gắng của lãnh đạo các Sở, Ban chỉ huy PCLB & phối hợp TKCN ngành thủy sản ở các tỉnh đã được kiện toàn, một số tỉnh thậm chí ở cấp xã cũng thành lập BCH PCLB và phối hợp TKCN.

- Hoạt động của BCH PCLB & phối hợp TKCN đều được đổi mới, cải tiến; BCH hoạt động theo qui chế được UBND tỉnh thông qua. Các thành viên trong BCH đã được phân công, phân nhiệm rõ ràng và giao phụ trách từng khối công việc, từng vùng trọng điểm.

- Về đội tàu TKCN: Trừ thành phố Hồ Chí Minh, còn lại các tỉnh đều thành lập đội tàu TKCN với 4 thành phần chủ yếu: Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Biên phòng, ngư dân và các tàu của các doanh nghiệp khai thác hải sản. Các tàu tham gia TKCN được phiên chế thành nhóm và được phân công nhiệm vụ, vùng hoạt động khi có bão, áp thấp nhiệt đới. Các tàu tham gia TKCN đều có các trang thiết bị, vật tư cần thiết để sẵn sàng ứng cứu khi có yêu cầu, được trang bị thông tin liên lạc, có thể liên lạc trực tiếp với các trạm thông tin trên bờ và BCH PCLB & phối hợp TKCN ngành thủy sản tỉnh.

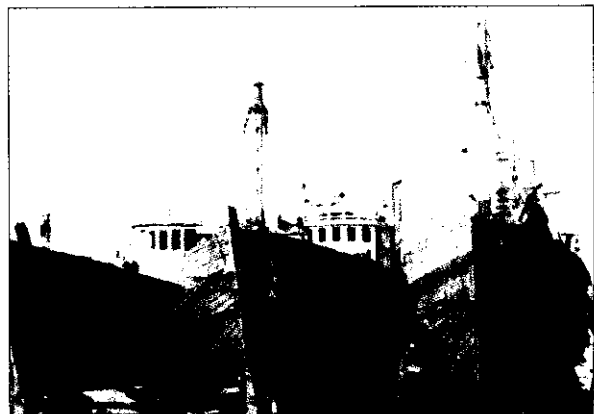
Về xây dựng văn bản liên quan đến PCLB & TKCN

Ngay từ đầu năm, các địa phương, đơn vị đã tập trung vào việc xây dựng báo cáo tổng kết công tác PCLB & TKCN năm 1999 và phương hướng, nhiệm vụ PCLB & TKCN năm 2000; tham mưu cho UBND tỉnh soạn thảo chỉ thị về công tác PCLB, giảm nhẹ thiên tai năm 2000, các văn bản hướng dẫn công tác chuẩn bị đối phó với mùa mưa bão năm 2000; xây dựng các phương án, kế hoạch PCLB & phối hợp TKCN chung cho toàn ngành và từng đơn vị; qui chế hoạt động của BCH PCLB & phối hợp TKCN.... Trong các địa phương triển khai có bài bản nhất phải kể đến Sở Thủy sản Bà Rịa-Vũng Tàu.

Về công tác chỉ đạo

Khắc phục những hạn chế của các năm trước, từ đầu năm đến nay, các địa phương đã tập trung chỉ đạo triển khai chuẩn bị đối phó với mùa mưa bão năm 2000 khá chu đáo. Nội dung chỉ đạo tập trung:

- Kiện toàn các BCH PCLB & phối hợp TKCN.



Đóng tàu phục vụ chương trình khai thác hải sản xa bờ ở Kiên Giang
Ảnh: Văn Phúc

- Xây dựng các văn bản qui phạm pháp luật, hướng dẫn công tác PCLB & TKCN

- Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức về công tác phòng, tránh, thực hiện phương châm 4 tại chỗ. Tập huấn, phương tiện thông tin đại chúng ... 3 tỉnh đã triển khai công tác tập huấn nội dung PCLB là Bạc Liêu, Tiền Giang, Kiên Giang. Riêng Bà Rịa-Vũng Tàu dự kiến sẽ mở 8 lớp vào tháng 8 với khoảng 400 người tham dự.

- Tăng cường công tác kiểm tra, trong đó tập trung vào mấy nội dung chính sau:

+ Kiểm tra an toàn các phương tiện hoạt động trên biển. 100% phương tiện khai thác hải sản xa bờ đều được kiểm tra an toàn kỹ thuật và cấp sổ đăng kiểm, đều được trang bị đầy đủ phao cứu sinh và máy thông tin liên lạc hoặc máy thu thanh theo dõi thời tiết. Riêng đối với khối tàu nhỏ, mức độ trang bị phao cứu sinh còn hạn chế, nhìn chung các tỉnh chỉ đạt từ 40-70%.

+ Kiểm tra các điểm trú đậu, tránh bão cho tàu thuyền.

+ Kiểm tra các điểm bắn pháo hiệu, treo tín hiệu.

+ Kiểm duyệt hoạt động của mạng thông tin liên lạc giữa BCH PCLB & phối hợp TKCN ngành thủy sản tỉnh với các địa phương đơn vị, trạm thông tin liên lạc và các tàu khai thác hải sản, đặc biệt các tàu khai thác hải sản xa bờ.

Ngoài các nội dung trên, các địa phương đơn vị, đặc biệt quan tâm đến việc mua bảo hiểm thuyền viên và thân tàu, các tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Tiền Giang coi đây là một điều kiện cho phép đi biển (Bà Rịa - Vũng Tàu có tới 3165/4124 phương tiện mua bảo hiểm).

Chuẩn bị kinh phí và trang thiết bị, vật tư kỹ thuật phục vụ công tác PCLB & TKCN

- Về kinh phí phục vụ cho công tác PCLB & TKCN:

Trong các hoạt động chuẩn bị đối phó với mùa mưa bão năm 2000, việc chuẩn bị kinh phí, trang thiết bị, vật tư kỹ thuật phục vụ cho công tác PCLB & TKCN nhìn chung ở các địa phương còn rất hạn chế, trừ Bà Rịa-Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh ra, các tỉnh còn lại đều chưa được cấp kinh phí. Hoạt động của BCH PCLB & phối hợp TKCN phải dựa vào kinh phí hoạt động theo định mức cấp hàng năm cho các cơ quan.

- Đội tàu TKCN: Mỗi tỉnh có một đội tàu TKCN, song nhìn chung trang thiết bị, vật tư phục vụ cho

công tác TKCN trên tàu phụ thuộc hoàn toàn vào khả năng của chủ phương tiện, vì vậy khả năng ứng cứu cũng sẽ rất hạn chế khi phải huy động.

- Trang bị máy thông tin liên lạc: Tuy các địa phương đều trang bị máy thông tin để liên lạc với đội tàu TKCN cũng như các tàu đánh cá xa bờ, song phần lớn là các loại máy công suất nhỏ, tầm liên lạc hạn chế.

- Về dự phòng phao cứu sinh hầu hết các địa phương đều không có.

Công tác chuẩn bị đối phó với mùa bão năm 2000 của nghề cá các tỉnh phía Nam so với các năm trước đã có những tiến bộ rõ rệt, song so với yêu cầu cũng còn bộc lộ những hạn chế:

1/ Một số địa phương công tác chuẩn bị đối phó với mùa mưa bão năm 2000 còn mang tính hình thức, phong trào và đôi chút đối phó, thể hiện rõ nhất là việc thành lập đội tàu TKCN.

2/ PCLB & TKCN là những hoạt động khẩn trương và tinh thông, bài bản, song ở hầu hết các địa phương đều không tổ chức diễn tập, kể cả diễn tập chỉ huy và điều chỉnh sẽ rất lúng túng khi có biến cố xảy ra.

3/ Nhiều địa phương chưa có được phương án theo dõi, nắm bắt tình hình hoạt động của các phương tiện nghề cá trên biển, đặc biệt sau khi bỏ giấy phép hoạt động nghề cá và điều này sẽ rất khó khăn trong việc chỉ đạo hướng dẫn các tàu khi có bão, gió...

Một số kiến nghị:

- Nhà nước dành một lượng kinh phí cho đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho công tác PCLB & TKCN, như: nạo vét luồng lạch, xây dựng hệ thống thông tin liên lạc, xây dựng các đèn treo tín hiệu, các điểm bắn pháo hiệu báo bão vv..

- Cần có cơ chế chính sách đối với những người tham gia công tác PCLB & TKCN, đặc biệt chế độ bồi dưỡng đi biển, chế độ thương tật, hy sinh trong khi làm nhiệm vụ TKCN, khắc phục hậu quả do thiên tai, bão, lụt...

- Nhà nước có chính sách miễn, giảm thuế đối với các tàu tham gia lực lượng TKCN và các tàu trong thời gian gọi về bờ, tránh trú bão.

- Nhà nước nên sớm xây dựng hệ thống thông tin chuyên ngành thủy sản và có chính sách trợ giúp ngư dân nghèo mua phao cứu sinh và máy thu thanh để theo dõi thời tiết. ■



KINH NGHIỆM NƯỚC NGOÀI

TÌM HIỂU LUẬT NGHỀ CÁ Trung Quốc

Để giúp bạn đọc tìm hiểu về tổ chức nghề cá và Luật Nghề cá các nước, Tạp chí Thủy sản giới thiệu tổ chức nghề cá và Luật Nghề cá Trung Quốc ban hành ngày 20/1/1986. Tài liệu do Tiến sĩ VŨ HUY THỦ, Phó cục trưởng Cục BVNLTS sưu tầm và biên dịch.

I. Tổ chức nghề cá Trung Quốc

1. *Ở trung ương:* Thành lập Cục Ngư nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp.

a/ Chức năng: Quản lý nhà nước về hoạt động nghề cá.

b/ Nhiệm vụ: Quản lý ngư chính, cảng cá, đăng kí và đăng kiểm tàu cá.

Biên chế gồm 10 phòng: phòng Kế hoạch, phòng Hợp tác quốc tế, phòng KH-KT, phòng Viễn Dương, phòng Quản lý cảng cá, phòng Chính sách pháp qui, phòng Chính sách nghề cá, phòng Thị trường, phòng Nuôi và Văn phòng.

Cục Ngư nghiệp có 3 Cục Ngư chính:

+ Cục Ngư chính khu Nam Hải phụ trách 7 tỉnh: Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây, Hải Nam, Đài Loan, Hồng Kông, Ma Cao.

+ Cục Ngư chính Hoàng-Bộ Hải.

+ Cục Ngư chính Đông Hải.

Các Cục Ngư chính có số lượng biên chế lớn hơn nhiều so với Cục Ngư nghiệp, ví dụ biên chế Cục Ngư nghiệp 44 người thì biên chế Cục Ngư chính Nam Hải

là 5.000 người (trước kia) và 462 người hiện nay.

Chức năng của Cục Ngư chính khu: Điều phối và chỉ đạo nghiệp vụ các cục địa phương (tỉnh, thành phố).

2. Cục Thủy sản các tỉnh, thành phố

Cục Thủy sản Quảng Tây, trụ sở tại Nam Ninh. Cục biên chế 120 người. Ông Trần Vinh Quý, Cục trưởng cho biết Trung Quốc đang thực hiện cải cách hành chính, sắp tới sẽ giảm biên chế 50% số người hiện có. Số người trong diện giảm biên chế nếu đến tuổi thì cho nghỉ hưu, nếu còn tuổi lao động thì cho đi đào tạo lại.

Cục có 3 phòng: phòng Ngư chính, cấp giấy đóng tàu và giấy hành nghề; phòng Giám sát cảng cá trong đó có bộ phận chỉ huy an toàn trên biển đảm nhiệm công tác PCLB&TKCN; phòng Đăng kiểm cấp giấy kiểm tra an toàn thiết bị.

Cục có chức năng: quản lý hoạt động nghề cá ở địa phương, chỉ đạo nghiệp vụ đối với cơ quan thủy sản ở cấp huyện, thị.

Căn cứ vào Luật và các văn bản có liên quan đến.

tình hình thực tế ở địa phương, Cục đã xây dựng và ban hành hơn 10 văn bản khác nhau. Trong đó, tập trung quản lý các lĩnh vực:

- Khai thác thủy sản, cấp giấy phép hoạt động nghề cá.

- Quản lý mặt nước, bãi triều.
- Quản lý động vật hoang dã.
- Quản lý tàu thuyền từ khi thiết kế, đóng, sửa tàu thuyền đến hành nghề.
- Quản lý môi trường sinh thái.
- Kiểm dịch động vật giống thủy sản.

Việc xây dựng và ban hành các văn bản pháp qui có 2 cấp. Văn bản do Hội đồng Nhân dân tỉnh, thành phố ban hành gọi là văn bản qui chương; Văn bản do chính quyền tỉnh, thành phố ban bố (sau khi được Hội đồng Nhân dân phê chuẩn) gọi là văn bản pháp qui.

Cơ quan ngư chính thực chất là cơ quan quản lý nghề cá có nhiệm vụ: giám sát pháp luật, quản lý bảo vệ, sử dụng hợp lý và bổ sung tái tạo nguồn lợi, giải quyết sự vụ về ngư chính như:

- Cấp các loại giấy hành nghề và được ủy quyền cấp giấy phép sử dụng mặt nước cho nuôi trồng thủy sản.

- Giúp ngư dân hoạt động nghề cá.
- Xử lý các vấn đề phát sinh.
- Bảo vệ lợi ích hợp pháp cho ngư dân, bảo vệ NLTS và môi trường.
- Tuyên truyền cho ngư dân Luật Nghề cá và các văn bản pháp qui.
- Kiểm tra hoạt động nghề cá.

II. Thực thi pháp luật

Luật Nghề cá Trung Quốc đã được ban hành ngày 20/1/1986. Luật có 6 chương và 35 điều.

- Chương 1: Nguyên tắc chung (8 điều).
- Chương 2: Nghề nuôi trồng thủy sản (5 điều).
- Chương 3: Nghề khai thác thủy sản (5 điều).
- Chương 4: Tăng trưởng và bảo vệ tài nguyên thủy sản (9 điều)
- Chương 5: Trách nhiệm pháp luật (6 điều).
- Chương 6: Nguyên tắc kèm theo (2 điều)

Cùng với Luật là bản Nguyên tắc chi tiết thi hành Luật Nghề cá. Bản Nguyên tắc chi tiết có 7 chương và 42 điều. Tìm hiểu qua Luật Nghề cá Trung Quốc và các văn bản dưới luật có một số điểm cần lưu ý:

Về nguyên tắc chung:

- Nhà nước thực hiện phương châm lấy nuôi trồng là chính, tiến hành đồng thời đánh bắt và chế biến thủy sản tùy theo địa phương điều chỉnh cho phù hợp.

- Chính quyền nhân dân các cấp phải đưa việc sản xuất nghề cá vào kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân, có biện pháp tăng cường qui hoạch thống nhất và lợi dụng tổng hợp các vùng nước.

- Cơ quan chính quyền nhân dân từ cấp huyện trở lên có thể thành lập bộ máy quản lý giám sát nhà nước về nghề cá.

- Nhà nước hoạch định những vùng biển và ngư trường, NLTS do cơ quan chủ quản nhà nước (Cục Ngư nghiệp Trung ương) quản lý, còn các vùng biển liền kề còn lại do cơ quan chủ quản hành chính nghề cá các tỉnh, thành phố quản lý.

- Bộ máy quản lý giám sát cảng cá: quản lý giám sát cảng cá và mọi quan hệ với nước ngoài về cảng cá.

Nuôi trồng thủy sản

Có 3 hình thức nuôi trồng thủy sản:

- + Nuôi trồng trong ao hồ.
- + Nuôi công nghiệp.
- + Nuôi cá sinh thái ở các ruộng lúa.

Phát triển nuôi trồng thủy sản theo định hướng và theo qui hoạch tổng thể, không phát triển tự phát. Phát triển nuôi trồng thủy sản đi đôi với việc bảo vệ môi trường sinh thái.

Luật Nghề cá qui định chính quyền từ cấp huyện trở lên cấp giấy sử dụng mặt nước, nhưng hiện nay chính quyền đang ủy quyền cho Cục Thủy sản các tỉnh, thành phố kiểm tra và cấp giấy sử dụng mặt nước.

Đất mặt nước biển, sông hồ lớn do Nhà nước quản lý còn lại do tập thể qui định.

Có chính sách miễn thuế từ 1-3 năm cho các mặt nước nuôi trồng thủy sản. Người dân phải nộp lệ phí sử dụng mặt nước tùy theo vùng nước và đối tượng nuôi.

Khai thác thủy sản:

Nhà nước khuyến khích giúp đỡ phát triển khai thác hải sản xa bờ và viễn dương; sắp xếp hợp lý lực lượng khai thác nội thủy và biển gần.

Làm nghề khai thác hải sản xa bờ, viễn dương, các nghề lưới kéo cỡ lớn, lưới vây khơi, phải được sự phê chuẩn của cơ quan chủ quản hành chính nghề cá Quốc Vụ Viện. Làm nghề khai thác thủy sản vùng nội thủy, biển gần phải xin giấy chứng nhận của cơ quan chủ quản hành chính nghề cá từ cấp huyện trở lên xét cấp.

Việc duyệt giấy chứng nhận cho phép khai thác hải sản không được vượt quá chỉ tiêu khống chế về tàu thuyền, lưới công cụ mà Nhà nước đã qui định có liên quan đến bảo vệ NLTS.

Tàu thuyền đóng mới, cải hoán, mua bán nhập khẩu phải qua cơ quan đăng kiểm nghề cá kiểm nghiệm hợp cách mới được hạ thủy hành nghề.

Cơ quan chủ quản nghề cá TƯ quản lý nghề lưới kéo đáy và nguồn lợi.

Tàu khai thác xa bờ, viễn dương tuân theo Luật Biển quốc tế.

Cơ quan chủ quản nhà nước cấp giấy phép khai thác hải sản theo mùa vụ, vùng và nghề, chưa cấp giấy phép theo sản lượng vì còn khó khăn do thành phần hải sản đa loài. Trung Quốc cũng sẽ tiến tới cấp giấy phép theo sản lượng, đối tượng khai thác như các nước trên thế giới.

Trước đây qui định vùng cận hải là vùng biển có đường đẳng sâu 80m trở vào bờ. Vùng viễn hải có đường đẳng sâu 80 m nước trở ra. Hiện nay không theo qui định này.

Các vùng cấm và thời gian cấm phải căn cứ vào kết quả điều tra nghiên cứu khoa học. Công bố lệnh cấm có thể do cơ quan chủ quản nhà nước, khu hoặc tỉnh, thành phố công bố.

Đăng kiểm nghề cá do Cục Ngư nghiệp Trung ương đảm nhiệm và có sự phân cấp cho địa phương. Cơ quan ngư chính thu lệ phí để bảo vệ và tái tạo nguồn lợi. Phí bảo vệ NLTS được tính theo giá trị sản lượng bình quân trong 3 năm và thu từ 1-3%, đối với nguồn lợi có giá trị cao thu từ 3-5% giá trị sản lượng.

Quản lý cảng cá: Cảng cá chia thành 3 cấp.

Cảng vụ có chức năng nhiệm vụ giám sát cảng, tàu thuyền, sửa chữa phao tiêu luồng lạch. Kiểm tra bảo đảm an toàn cho người và phương tiện hoạt động trên biển, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn và bảo vệ môi trường.

Việc thu phí cảng vụ nhằm đào tạo, sửa chữa cảng, phao, luồng và tìm kiếm cứu nạn.

Bảo hiểm: Trung Quốc có Hiệp hội bảo hộ cho nghề cá. Không qui định bắt buộc các tàu cá mua bảo hiểm vì đối với các tàu cá hệ số rủi ro lớn.

Phát triển và bảo vệ nguồn lợi thủy sản

Cơ quan chủ quản hành chính nghề cá từ cấp huyện trở lên phải thống nhất qui định vùng nước nghề cá thuộc quyền quản lý của mình, tìm biện pháp bảo vệ và phát triển NLTS.

Nghiêm cấm dùng chất nổ, chất độc đánh cá.

Không được khai thác hải sản ở vùng cấm vào thời gian cấm. Vùng biển phía Nam có độ sâu 20 m trở vào bị cấm hoàn toàn các hoạt động khai thác hải sản để bảo vệ nơi sinh trưởng cho cá con, cá sinh sản; đối với nhuyễn thể thì có thể được khai thác. Không được sử dụng ngư cụ có kích thước mắt lưới nhỏ hơn qui định. Nghiêm cấm khai thác con giống có giá trị kinh tế quan trọng. Nếu có nhu cầu đặc biệt khai thác cá bột và giống các loài trên phải được sự phê chuẩn của cơ quan chủ quản hành chính nghề cá trung ương. Khai thác theo hạn ngạch trong khu vực và thời gian được chỉ định.

Vạch đường ranh giới cấm nghề lưới kéo đáy. Không tăng số lượng tàu.

Tuyên truyền vận động nhân dân chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật nhà nước, có chế tài nghiêm khắc đối với trường hợp vi phạm nguồn lợi.

Việc thả tôm cá xuống biển vào vùng nước nội địa do các địa phương tổ chức làm. Kiểm tra thị trường, chợ cá để xác định tỉ lệ cá con bị đánh bắt từ đó đề ra biện pháp xử lý.

Bảo vệ các động vật hoang dã.

Bảo vệ môi trường sinh thái, xử lý các trường hợp gây ô nhiễm môi trường ■

TIN BVNLTS

LỚP TẬP HUẤN PCBL & TKCN

Từ 18-19/7/2000, tại Sầm Sơn, Thanh Hoá, Ban chỉ huy PCBL&TKCN Bộ Thủy sản đã tổ chức lớp tập huấn cho cán bộ thuộc các tỉnh ven biển từ Quảng Ninh đến Phú Yên. 84 học viên - trong đó 10 người là lãnh đạo các Sở Thủy sản, 13 người là lãnh đạo các chi cục BVNLTS đã được trang bị kiến thức và phương pháp PCBL & TKCN, hướng dẫn thực hiện Nghị định số 72/1999/NĐ-CP ngày 15/9/1999 của Chính phủ về an toàn cho người và phương tiện đi biển như: sử dụng phao cứu sinh, sơ, cấp cứu nạn nhân. Thứ trưởng Nguyễn Ngọc Hồng khai mạc tập huấn và chỉ đạo mở một lớp tương tự cho các tỉnh phía Nam (từ Khánh Hoà đến Kiên Giang) vào cuối tháng 8/2000 tại thành phố Hồ Chí Minh.



Từ ngày 1/8 đến 12/8/2000, tại Hà Nội, Cục BVNLTS đã tổ chức lớp đào tạo nghiệp vụ thanh tra viên, kiểm soát viên BVNLTS theo chương trình cơ bản.

Tham dự lớp học có 37 học viên của 16 tỉnh, thành phố là Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Thừa Thiên-Huế, Quảng Ngãi, Ninh Thuận, Bến Tre, Đồng Tháp, Vĩnh Phúc, Yên Bái, Bình Phước và Hà Nội.

Các học viên đã được truyền đạt các kiến thức cơ bản về tổ chức và hoạt động của cơ quan BVNLTS, của thanh tra BVNLTS; tình hình nguồn lợi và hiện trạng khai thác ở nước ta; xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVNLTS; công ước quốc tế về Luật Biển năm 1982, quản lý hoạt động của người và phương tiện nước ngoài trong vùng biển Việt Nam. Giới thiệu các văn bản pháp qui về BV và PTNLTS, về đăng kiểm tàu cá, về thú y thủy sản, về chất lượng hàng hóa chuyên ngành thủy sản, về Pháp lệnh Thanh tra và Luật Khiếu nại tố cáo, về 10 tiêu chuẩn ngành mới ban hành và 10 công ước quốc

tế có liên quan...

Lớp đào tạo đã kết thúc tốt đẹp với 100% học viên đạt kết quả, trong đó 75% đạt loại khá giỏi. Cục BVNLTS đã cấp chứng chỉ tốt nghiệp cho 37 học viên và trao tặng phẩm cho 7 học viên đạt loại giỏi.

TP. HỒ CHÍ MINH

6 tháng đầu năm 2000, Sở NN và PTNT thành phố đã chỉ đạo công tác BVNLTS, trọng tâm là công tác đăng kiểm, tuyên truyền và hoạt động thanh tra BVNLTS. Đặc biệt là công tác kiểm dịch động vật thủy sản:

- Đã kiểm dịch tôm sú giống: 12,4 triệu con, cá giống các loại 1,1 triệu con, kiểm dịch tôm sú quá cảnh sân bay Tân Sơn Nhất 66 triệu con.

- Kiểm dịch xuất khẩu: động vật thủy sản 1.208 tấn, sản phẩm động vật thủy sản 2.505 tấn, trứng Artemia 1,6 tấn, cá cảnh 2.050 thùng, cá giống 8.000 con.

- Kiểm dịch nhập khẩu: thức ăn tôm (dạng viên) 11 tấn, thức ăn khác 3.548 tấn, cá giống mú, bớp, Artemia 19 tấn, tôm sú giống 200.000 con, cá cảnh 164.164 con.

BẠC LIÊU

Chi cục BVNLTS đã điều tra, khảo sát, tổng kết làm tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các văn bản liên quan đến thanh tra BVNLTS và cứu hộ, cứu nạn trên biển. Trong lĩnh vực thanh tra BVNLTS, đã kiểm tra phát hiện 55 phương tiện không đăng kí hoạt động, xử lý 598 vụ dùng kích điện đánh bắt thủy sản, 80 trường hợp khai thác sai qui định.

Trong công tác PCBL & TKCN, đã chủ động xây dựng kế hoạch phối hợp với các ngành thành lập đội tàu cứu hộ, cứu nạn trên biển; kiểm tra thường xuyên hệ thống thông tin liên lạc, các thiết bị cứu sinh, hút khô, chống thủng, đảm bảo an toàn khi tàu hoạt động trên biển.

BẾN TRE

Mục tiêu của đề tài nhằm thống kê các hoạt động khai thác thủy sản bằng công cụ cấm, bao gồm các loại nghề: cào điện, xiệc điện, các nghề khai thác thủy sản khác có sử dụng điện; đăng áp bãi bằng lưới mùn và sử dụng chất độc ở các vùng nước nội địa, sông, rạch trên địa bàn toàn tỉnh Bến Tre, để ra giải pháp xóa bỏ các hoạt động khai thác thủy sản bằng công cụ cấm tại địa phương.

Đến nay đề tài cơ bản đã hoàn thành ở các huyện, thị trong tỉnh, riêng 3 huyện Bình Đại, Mỏ Cày và Châu Thành đang tiếp tục triển khai.

Trang BVNLTS có sự cộng tác của Cục BVNLTS và các cộng tác viên

Các biện pháp KHÔNG CHẾ BỆNH PHÁT SÁNG Ở TÔM SÚ

● THANH HÀ

Trong nghề nuôi tôm hiện nay, vấn đề nổi bật nhất là bệnh tôm do vi khuẩn gây ra, nhất là ở tôm sú. Các bệnh vi khuẩn đó là bệnh đầu vàng, thân đỏ đốm trắng và phát sáng. Các bệnh này càng trở nên nghiêm trọng do ảnh hưởng của hiện tượng El Nino làm tăng nhiệt độ môi trường, trong đó bệnh phát sáng hiện đang gây hậu quả rất nặng nề. Bệnh này do nhóm vi khuẩn *Vibrio* gây ra ở tôm sú và một số loài tôm khác. Bệnh xuất hiện từ giai đoạn ấu trùng, tôm bột đến tôm trưởng thành ở trong cả bể ương và ao nuôi. Khi mắc bệnh tôm thường chết sau 1 đến 2 ngày. Trong ao nuôi, tôm bị bệnh phát sáng bơi lội không bình thường, mất phương hướng, một số khác có hiện tượng dạt bờ. Tôm mắc bệnh có đặc điểm chung là vỏ và thân có màu tối, bẩn, cơ bắp có màu đục, khả năng bắt mồi giảm, ruột không có thức ăn, trong vỏ có rất ít phân tôm, không thành dây, tôm phản xạ chậm chạp, về buổi tối nhìn thấy tôm có màu sáng. Qua kiểm tra bằng phương pháp vi sinh thấy có vi khuẩn ở máu, chế độ đông máu bị ngừng trệ. Những biến động của yếu tố môi trường trong ao nuôi như nhiệt độ, độ mặn, pH và sự tích tụ các hợp chất hữu cơ có ảnh hưởng rất lớn đến sự sinh sản, lây lan và mức độ cảm nhiễm của loài vi khuẩn này. Dưới đây chúng tôi xin giới thiệu các biện pháp chủ yếu nhằm khống chế và ngăn chặn bệnh phát sáng ở tôm sú

1. áp dụng qui trình nuôi khép kín

Qui trình nuôi khép kín đảm bảo dễ dàng điều chỉnh các yếu tố môi trường như độ mặn hoặc vi sinh trong nước. Do nhóm vi khuẩn *Vibrio* phát triển tốt ở độ mặn từ 20-30‰ nên trong khi nuôi, cần khống chế độ mặn từ 18-20‰ để hạn chế sự phát triển của vi khuẩn này. Việc sử dụng hóa chất để xử lý nước trong quá trình nuôi có tác dụng làm giảm vi khuẩn trong

nước từ ao nuôi ra hoặc từ ngoài biển vào. Các loại hóa chất sử dụng có tác dụng là chlorin dạng bột và nước, formalin, BKC, thuốc tím. Tuy nhiên thời gian tác dụng của các hóa chất đó ngắn và sau khi hết tác dụng, lượng vi khuẩn càng tăng lên. Vì vậy, sau khi sử dụng thuốc diệt khuẩn, nên sử dụng tiếp đường cát và vi sinh vật để phát triển các vi khuẩn có lợi.

2. Sử dụng đường cát

Nhóm vi khuẩn *Vibrio* có hai loại: màu vàng và màu lục. Loại *Vibrio* có màu vàng ở môi trường TCBS gây hại cho tôm ít hơn loại màu lục, chúng sử dụng đường làm chất dinh dưỡng. Do số lượng hai loại này biến động tỉ lệ nghịch với nhau nên việc sử dụng đường cát nhằm tăng nguồn dinh dưỡng, giúp cho loại màu vàng phát triển nhanh và giảm số lượng loại màu lục. Ngoài ra việc dùng đường còn có tác dụng giảm pH, vì vi sinh vật sau khi phân huỷ đường cát sẽ thải ra axit. Người ta thường bón cho ao nuôi khoảng 12-15kg đường/ha sau khi thả tôm 30 ngày nhưng phải chú ý vì hàm lượng oxy hoà tan sẽ giảm thấp do vi sinh vật sử dụng nhiều oxy.

3. Tăng sức đề kháng của tôm

Một biện pháp hữu hiệu nhằm tăng sức đề kháng của tôm là sử dụng nhóm vi sinh vật hữu ích gọi là vi sinh vật probiotic như Zymetin, Dikaku và Biodream trộn vào thức ăn cho tôm ăn sẽ giúp cho thức ăn tiêu hoá tốt. Các vi sinh vật này sẽ tranh thức ăn với các vi khuẩn *Vibrio* gây bệnh và chiếm địa bàn ở đường ruột của tôm, loại bỏ vi khuẩn *Vibrio* gây bệnh trong ruột tôm ra ngoài. Ngoài ra các vi sinh vật này còn sản sinh ra chất ngăn ngừa *Vibrio harvegi*. Liều lượng trộn các chất trên vào thức ăn là 5g/1kg thức ăn.

(Xem tiếp trang 41)

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NGƯ TRỌNG ĐIỂM Ở BẮC NINH

● NGUYỄN HÙNG

Thực hiện chương trình khuyến ngư trọng điểm thời kì 1994-2000, Bắc Ninh đã triển khai một trong 5 nội dung của chương trình đã đạt được một số kết quả sau:

Đã mở 85 lớp tập huấn về kĩ thuật nuôi cá nước ngọt, nuôi đặc sản, bảo vệ môi trường nước và phòng trừ dịch bệnh thủy sản cho 6.936 chủ hộ nông dân có mặt nước nuôi cá, đào tạo 10 khuyến ngư viên cấp I, 8 khuyến ngư viên cấp II, 60 nông dân chủ chốt trong chương trình VIE/93/001 của Viện nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản I. Ngoài ra, còn tập huấn nghiệp vụ khuyến ngư và kĩ thuật nuôi trồng thủy sản cho các hội viên Hội Nông dân, Hội Làm vườn, các câu lạc bộ khuyến nông ở các xã trong tỉnh.

Đã xây dựng nhiều điểm trình diễn nuôi thâm canh cá ao đạt năng suất 7-10 tấn/ha ở Thị Cầu, Khả Lễ (qui mô 0,5 ha năm 1996) ở Đồng Nguyên, Khả Lễ, Đông Thọ, Bình Dương (qui mô 5 ha năm 1997 và 2 ha năm 1998). Nhiều điểm thâm canh cá năng suất cao được nhân ra các huyện Gia Bình, Lương Tài, Yên Phong, Từ Sơn với đối tượng chính là cá rô phi đơn tính. Tính đến vụ xuân năm 2000, đã thả nuôi 60 vạn con giống rô phi đơn tính. Do tốc độ lớn nhanh 0,3 - 0,4 kg/con sau 6 tháng nuôi, năng suất cá ao đạt 7-10 tấn/ha. Gia đình ông Hương, ông Hải ở Thị Cầu đạt 6-7 tấn/ha ổn định đã 4 năm. ở xã

Đồng Nguyên (Từ Sơn) hộ ông Khiển đạt 1.800-1.900 kg/2000m², ở xã Đông Thọ (Yên Phong) hộ ông Chiến đạt 700 kg/1.000m². Các nhóm nuôi cá rô phi ở xã Bình Dương (Gia Bình) đều đạt 5-6 tấn/ha. Các hộ nuôi thâm canh cá rô phi đều có lãi cao, mỗi sào thu 2-3 triệu đồng/vụ. Ngoài ra, còn chuyển giao đến hộ nuôi các giống mới như trê lai, chép lai, mè vinh.

Phong trào nuôi ba ba do nông dân tự phát bắt đầu từ 2 huyện Gia Bình, Lương Tài năm 1993. Các năm 1994 đến 1996 được Vụ Nghề cá, Bộ Thủy sản và Trung tâm Khuyến nông tỉnh giúp đỡ nên kĩ thuật nuôi được hoàn thiện nhanh. Các năm 1995-1997 ba ba được giá, số hộ nuôi tăng. Đầu năm 1997 có 219 hộ nuôi đạt sản lượng 8.000kg, tự sản xuất 15.000 con giống. Đầu năm 1998 ba ba xuống giá, nhiều hộ đã bỏ nghề nhưng đến nay vẫn còn 129 hộ nuôi ổn định, hàng năm sản xuất 8.000-10.000 con giống và 3.800 kg ba ba thương phẩm với lãi suất 40.000 - 60.000 đồng/kg.

Các mô hình nuôi cá ruộng trũng được xây dựng từ năm 1996 ở Thị Cầu (2 ha), Trung Nghĩa, Yên Phong (5 ha), Văn Môn, Phú Lương, Đào Viên, Khắc Niệm (15 ha). Năm 1999 xây dựng mô hình luân canh 1 vụ lúa - 1 vụ cá ở Đào Viên 10 ha, Khả Lễ 10 ha, Hoà Đình 5 ha. Năm 2000 thêm 2 điểm trình diễn luân canh lúa - cá ở Đình

Bảng (Từ Sơn) và Nam Sơn (Quế Võ) 20 ha.

Các điểm trình diễn nuôi cá ruộng đạt năng suất cá 0,8-1,1 tấn/ha. Thu nhập cả lúa - cá đạt 17-22 triệu đồng/ha (tăng 12-15 triệu so với ruộng lúa không nuôi cá).

Mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng ruộng trũng đã thực hiện thành công ở các huyện Gia Bình, Lương Tài, Yên Phong giúp nông dân chuyển ruộng cấy lúa không chắc ăn sang đào ao, làm vườn, nuôi gia súc gia cầm. Mô hình nhóm hộ làm VAC ở xã Đông Thọ, (Yên Phong) và xã Bình Dương (Gia Bình) đã giải quyết việc làm cho hàng trăm lao động nông nhân, nâng thu nhập 1 ha ruộng tăng 5-7 lần so với lối canh tác cũ. Hai huyện Gia Bình và Lương Tài trong 5 năm qua đã chuyển 300 ha ruộng "chiêm khô mùa thối" sang làm VAC tạo ra 14 vùng VAC tại 14 xã. Các mô hình này đã được nhân ra Yên Phong, Quế Võ, Tiên Du và Từ Sơn.

Chương trình khuyến ngư đã thúc đẩy sản xuất thủy sản phát triển cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Nếu như năm 1994 mới sử dụng 45,23% diện tích ao, hồ, đầm và 5,2% diện tích ruộng trũng nuôi cá thì đến năm 1999, 88,3% diện tích ao, hồ, đầm và 35,2% diện tích ruộng trũng đã đưa vào nuôi cá. Sản lượng cá năm 1994 mới đạt 1.634 tấn, năm 1995 tăng lên 2.700 tấn, năm 1996: 3.160 tấn, năm

1997: 4.654 tấn, năm 1998: 5.797 tấn, năm 1999: 5.824 tấn. Năng suất bình quân tăng từ 1,1 tấn/ha năm 1994 lên 2,4 tấn/ha năm 1999.

Hiệu quả kinh tế xã hội của việc chuyển dịch cơ cấu sản xuất vùng ruộng trũng rất rõ, sau khi chuyển ruộng trũng sang làm VAC, sản lượng thóc không giảm, sản lượng cá tăng. Hai huyện Gia Bình, Lương Tài sản lượng cá tăng từ 800 tấn năm 1994 lên 2.500 tấn năm 1997 và 3.000 tấn năm 1999. Trên địa bàn tỉnh đã có những vùng nuôi cá có sản lượng tập trung, 15/17 xã đạt sản lượng 350- 400 tấn/năm.

Thông qua thực hiện chương trình khuyến ngư, các cấp, các

ngành hiểu rõ thêm về vai trò nuôi trồng thủy sản trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp, từ đó có sự quan tâm hỗ trợ tốt hơn về chính sách đầu tư. Bà con nông dân nhận thức được tầm quan trọng của các giải pháp kỹ thuật, xóa bỏ được quan niệm quá giản đơn về kỹ thuật nuôi cá, mạnh dạn ứng dụng tiến bộ kỹ thuật. Chương trình khuyến ngư cũng góp phần giải quyết công ăn việc làm cho 6.000-8.000 lao động ở nông thôn, nâng cao tính năng động của đội ngũ cán bộ kỹ thuật ở tỉnh, huyện, xã.

Tuy nhiên, chương trình khuyến ngư ở Bắc Ninh cũng còn một số tồn tại:

- Do không chủ động nguồn kinh phí nên triển khai mô hình chậm so với thời vụ, lúng túng từ khâu chọn điểm, theo dõi tổng kết đến việc mở rộng mô hình.

- Các mô hình mới chỉ mang tính chất xoa dịu giảm nghèo, chưa quan tâm đến mục tiêu xuất khẩu, xây dựng vùng hàng hóa tập trung.

- Mô hình trình diễn chưa gắn chặt với thị trường tiêu thụ sản phẩm nên bị hạn chế khi nhân rộng.

- Thiếu đãi ngộ hợp lý cho người hoạt động khuyến ngư nên việc theo dõi, tổng kết mô hình gặp khó khăn. ■

Các biện pháp khống chế ...

(Tiếp theo trang 39)

Hiện nay trên thị trường có bán các loại vaccin ngăn ngừa bệnh phát sáng như vibrioxin. Trong quá trình nuôi, cho tôm ăn vibrioxin theo định kỳ 7 ngày cho ăn, 7 ngày nghỉ với hàm lượng 50cc vibrioxin trong 1 kg thức ăn. Cũng có thể kết hợp vibrioxin với vi sinh vật probiotic sẽ làm tăng sức đề kháng của tôm.

Việc bổ sung vitamin và các chất kích thích cơ quan tạo kháng thể của tôm cũng có tác dụng ngăn ngừa bệnh phát sáng. Trộn vitamin với thức ăn cho tôm thường xuyên sẽ giúp cho tôm có sức khỏe tốt. Các loại vitamin thường dùng để tăng sức đề kháng của thủy sản là vitamin C và E. Ngoài ra người ta còn bổ sung chất kích thích cơ quan tạo kháng thể hoạt động mạnh để tiêu diệt mầm bệnh xâm nhập vào cơ thể. Tuy nhiên, các chất này chỉ hoạt động trong thời gian ngắn nên phải sử dụng thường xuyên.

4. Khống chế sự phát triển của vi khuẩn Vibrio

Kết quả nghiên cứu thực nghiệm cho thấy nếu trong môi trường sống có tảo lục, nhóm vi khuẩn Vibrio (*V. harveyi*; *V. parahaemolyticus*) không có khả năng phát triển. Vì vậy đã sử dụng thực vật phù du trong nhóm tảo lục có khả năng tạo chlorellin để khống chế sự phát triển của vi khuẩn gây bệnh phát sáng ở tôm.

Một tình trạng phổ biến hiện nay là hình thức nuôi không phù hợp với trình độ quản lý như thả mật độ quá cao, trong khi chưa làm tốt khâu quản lý môi trường.

Khi thả với mật độ cao, lượng thức ăn đưa xuống ao nhiều, cộng với lượng chất thải của tôm lớn do đó mùn bã hữu cơ tích tụ nhiều dẫn đến màu nước đậm, mật độ sinh vật phù du dày, hàm lượng oxy hòa tan thấp, đáy ao bị thối, sinh nhiều khí độc tạo điều kiện cho vi khuẩn Vibrio bất lợi phát triển. Khi môi trường xấu dễ làm tôm bị sốc, thân bị lở loét, dễ dàng cho các vi khuẩn xâm nhập gây bệnh. Vì vậy cần nuôi với mật độ và phương thức canh tác phù hợp với trình độ quản lý.

Việc sử dụng thuốc kháng sinh được xem là cách lựa chọn cuối cùng để khống chế và ngăn chặn bệnh phát sáng nói riêng và các bệnh của thủy sản nói chung. Khi sử dụng kháng sinh phải theo dõi sự miễn cảm của vi khuẩn đối với kháng sinh để giảm thiểu các tác dụng phụ. Do sử dụng không đúng phương pháp, không đủ liều lượng, vi khuẩn sẽ kháng thuốc. Các loại kháng sinh hiện cho kết quả tốt là Nitrofurazal, Furagonidon, Furacin, Sulpha-trimethoprim và axit oxylinic thường dùng nhiều ở các trại giống và ao nuôi.

Với trình độ kỹ thuật như ngày nay, chưa có phương pháp điều trị nào có thể dập tắt được bệnh phát sáng nhưng có thể lựa chọn các biện pháp khác nhau để khống chế và ngăn ngừa bệnh. Điều quan trọng nhất là có phương pháp quản lý và xử lý thích hợp môi trường như quản lý màu nước, chất lượng nước, độ trong của nước. Nuôi tôm phù hợp với trình độ chăm sóc và quản lý. Kiểm tra thức ăn và cải tạo môi trường ao chặt chẽ, không sử dụng thức ăn tươi, tăng cường sức đề kháng của tôm bằng cách sử dụng vaccin, probiotic và vitamin theo định kỳ. ■

HỘI THI "BÀN TAY VÀNG" TRONG CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN THỦY SẢN TOÀN NGÀNH LẦN THỨ NHẤT

Về tham dự hội thi này tại 2 khu vực phía bắc (tại Quảng Ninh) phía nam (tại Cafatex Cần Thơ) vào hạ tuần tháng 6/2000 có 26 đội với tổng số 82 thí sinh là thợ giỏi ở cấp cơ sở.

Kết thúc hội thi, Ban tổ chức đã lựa chọn, trao giải cho các tập thể và cá nhân đoạt giải, đạt danh hiệu "Bàn tay vàng" như sau:

GIẢI TẬP THỂ:

2 giải nhất đồng đội: Công ty CBTSXK Hải Phòng; Đội 3 thuộc Xí nghiệp chế biến thủy sản XK Cần Thơ (Cafatex Cần Thơ).

2 giải nhì đồng đội: Công ty XKTS II Quảng Ninh; Đội 1 thuộc Công ty Chế biến thủy sản XNK Cà Mau.

2 giải ba đồng đội: Công ty XNK hải sản Sông Hương (Thừa Thiên - Huế); Đội 1 thuộc Xí nghiệp chế biến thủy sản XK Cần Thơ.

GIẢI CÁ NHÂN:

9 giải nhất: Dương Thị Thanh Chuyên, Vũ Thị Nhung (Công ty XKTS II Quảng Ninh); Phạm

Thị Hoà, Nguyễn Thị Dục (Công ty XNK hải sản Sông Hương, Thừa Thiên - Huế); Đinh Thị Lan (Công ty XKTS Quảng Ninh); Đoàn Thị Mến (Công ty CBTS XK Hải Phòng); Phan Thị Thu Phụng (Cafatex Cần Thơ); Trần Thị Ngọc Thanh và Bùi Thị Tuyết Lan (Tổng công ty thủy sản Việt Nam).

Ngoài 9 giải nhì và 11 giải ba cho cá nhân, Ban tổ chức còn trao thưởng cho 47 cá nhân đạt danh hiệu "Bàn tay vàng" trong đợt thi chung kết này.



Lễ trao giải thưởng ở Hội thi phía Nam (Cần Thơ)

TIN VỀ HỘI NGHỊ BCH MỞ RỘNG CĐTSVN LẦN THỨ 5 KHÓA II

Hội nghị lần thứ 5 khóa II BCH CĐTSVN họp vào ngày 7 và 8/7/2000 tại Quảng Ninh. Về dự hội nghị có 25/29 uỷ viên BCH và 2 đồng chí trong Ủy ban kiểm tra CĐTSVN.

Hội nghị có sự tham dự của đồng chí Phó chủ tịch Liên đoàn lao động Quảng Ninh, giám đốc Sở Thủy sản Quảng Ninh; các đồng chí chủ tịch công đoàn ngành địa phương, Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các đồng chí giám đốc, chủ tịch công đoàn cơ sở các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) của ngành thủy sản đã cô phần hóa.

Hội nghị quyết nghị về vấn đề công đoàn tham gia vào việc sắp xếp, đổi mới DNNN như sau:

a/ Tăng cường trách nhiệm của tổ chức công đoàn các cấp trong việc sắp xếp, đổi mới DNNN trên cơ

sở các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

b/ Tiếp tục thực hiện các giải pháp phối hợp giữa tổ chức công đoàn và chính quyền, áp dụng các kinh nghiệm tốt của các địa phương, đơn vị trong việc sắp xếp, đổi mới DNNN.

c/ Kiến nghị với Chính phủ và các ngành hữu quan những vấn đề còn vướng mắc về chế độ, chính sách; những khó khăn, cản trở trong quá trình triển khai thực hiện sắp xếp, đổi mới DNNN.

Hội nghị kêu gọi toàn thể CBCNV và lao động trong ngành; các cấp công đoàn đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, quyết tâm hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước 6 tháng cuối năm và cả năm 2000, lập thành tích chào mừng Đại hội thi đua toàn quốc; chào mừng Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội 9 của Đảng. ■

TRỌNG TÂM CÁC HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2000

1. Chỉ đạo và thực hiện tốt các kết luận giữa Đoàn Chủ tịch TLĐ và lãnh đạo Bộ Thủy sản, CĐT SVN tại buổi làm việc ở Hà Nội ngày 8/5/2000 với trọng tâm là công tác phát triển đoàn viên công đoàn và công tác cán bộ.

2. Tổng kết 5 năm (1995-2000) phong trào thi đua 2 giỏi (giỏi việc nước-đảm việc nhà) trong nữ công nhân viên chức, lao động ngành thủy sản (dự kiến hội nghị tổng kết này sẽ tổ chức tại Hà Nội từ 23-25/8/2000).

3. Triển khai kí cam kết khu công nhân lao động không có tệ nạn xã hội tại Công ty XNK thủy sản Đồ Điem - Hà Tĩnh vào 31/7/2000.

4. Đẩy mạnh một bước việc tham gia của tổ chức công đoàn vào việc sắp xếp, đổi mới, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo các văn bản của Chính phủ và TLĐ.

5. Đẩy mạnh việc phát triển đoàn viên, xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh theo thông tri 02/TT-TLĐ (thay thông tri 50/TT-TLĐ cũ). Trước mắt hoàn thành kế hoạch phát triển thêm 8-10 công đoàn cơ sở và nghiệp đoàn nghề cá ngoài quốc doanh theo nghị quyết BCH CĐT SVN tại Huế (tháng 7/1999).

6. Động viên toàn thể CBCNV và lao động trong ngành hoàn thành kế hoạch đóng góp xây dựng 8-10 căn nhà tình nghĩa tại tỉnh Sóc Trăng trong năm 2000. Kinh phí dự tính khoảng 160 triệu đồng.

7. Tiến hành phối hợp với các cơ quan hữu quan nghiên cứu đề xuất để Chính phủ công nhận một số bệnh nghề nghiệp do

môi trường lao động thủy sản gây nên.

8. Phối hợp với Bộ Thủy sản, Đài truyền hình Việt Nam xây dựng và phát trên sóng VTV1 vào cuối tháng 8/2000 *phóng sự truyền hình* về: thực trạng, giải pháp và chế độ chính sách đối với lao động nữ trong chế biến thủy sản.

9. Chuẩn bị tốt việc sơ kết 5 năm hoạt động của Quỹ Nhân đạo

Nghề cá Việt Nam vào đầu năm 2001.

10. Yêu cầu các công đoàn cơ sở trực thuộc, công đoàn ngành địa phương báo cáo kịp thời, cung cấp đầy đủ thông tin (định kì và đột xuất) cho CĐT SVN theo công văn 79 CV/CĐT SVN (tháng 6/2000).

Trang tin có sự cộng tác của văn phòng CĐT SVN



Ảnh : Xuân Liễu

Ảnh trên : Nhà trẻ Công ty Chế biến XNK Thủy sản Đồ Điem, Hà Tĩnh

Ảnh dưới : Đoàn làm phim VTV1 quay phim tại Cty CBTS XK Thanh Hoa

THÀNH LẬP TRUNG TÂM KHUYẾN NGƯ TRUNG ƯƠNG

Ngày 7/7/2000, Bộ trưởng Bộ Thủy sản đã kí Quyết định số 590/2000/QĐ-BTS thành lập *Trung tâm Khuyến ngư trung ương* trực thuộc Bộ Thủy sản trên cơ sở bộ phận Khuyến ngư thuộc Vụ Nghề cá trước đây. Trung tâm Khuyến ngư trung ương là đơn vị sự nghiệp, có nhiệm vụ:

- Xây dựng chỉ đạo và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án khuyến ngư quốc gia, kế hoạch hoạt động khuyến ngư hàng năm trên các lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thủy sản. Hướng dẫn các địa phương, các tổ chức khuyến ngư tự nguyện xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án khuyến ngư theo qui định của Bộ.

- Tổ chức phổ biến và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, kinh nghiệm điển hình sản xuất giỏi về ngư nghiệp, bồi dưỡng kỹ năng, kiến thức kỹ thuật và quản lý kinh tế. Phối hợp với các cơ quan chức năng cung cấp các thông tin thị trường, giá cả, phòng trị bệnh, môi trường sinh thái... cho ngư dân.

- Quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thu hút vốn, công nghệ, nhân lực hoặc tham gia trực tiếp các hoạt động khuyến ngư.

- Theo dõi, chỉ đạo, tổng kết, đánh giá hoạt động khuyến ngư trong toàn ngành, đảm bảo thi hành đúng chủ trương, chính sách khuyến ngư của Nhà nước.

- Sử dụng kinh phí khuyến ngư đúng mục đích và hiệu quả.

- Báo cáo định kỳ hàng năm cho Bộ và Chính phủ theo qui định.

Ông Nguyễn Văn Thành, Phó vụ trưởng Vụ Nghề cá đã được Bộ trưởng Bộ Thủy sản bổ nhiệm kiêm giữ chức Giám đốc Trung tâm Khuyến ngư trung ương.

HỘI NGHỊ SƠ KẾT 6 THÁNG CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN MIỀN NÚI

Trong các ngày 28 và 29/7/2000, tại thị xã Móng Cái, Quảng Ninh, Bộ Thủy sản đã tổ chức Hội nghị sơ kết 6 tháng chương trình phát triển NTTS miền núi. Đại biểu các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (có quản lý thủy sản) của 13 tỉnh miền núi phía Bắc, đại diện các vụ, viện, các ban quản lý dự án nuôi trồng thủy sản miền núi của Bộ Thủy sản đã tham dự hội nghị.

Thứ trưởng Nguyễn Việt Thắng chủ trì hội nghị. Hội nghị đã nghe báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm về chương trình phát triển thủy sản miền núi, hoạt động triển khai các dự án VIE 198/008, về chương trình nuôi trồng thủy sản bền vững góp phần xóa đói giảm nghèo,

về hợp phần dự án SPS, dự án SIDA, dự án Aus AID, dự án ACIAR.... Đại biểu các tỉnh Hoà Bình, Quảng Ninh, Sơn La, Bắc Cạn, Hà Giang, Cao Bằng, Yên Bái đã bổ sung nhiều ý kiến và đề xuất những biện pháp tích cực nhằm phát triển công tác nuôi trồng thủy sản miền núi.

Tổng kết hội nghị Thứ trưởng Nguyễn Việt Thắng gợi ý các tỉnh nên quán triệt Nghị quyết 09 của Chính phủ về chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp trong việc nuôi trồng thủy sản, phải quyết tâm đưa thủy sản miền núi trở thành ngành hàng hóa, có khả năng xuất khẩu; xem xét hình thức đào tạo giáo dục khác nhau cho con em đồng bào miền núi trong lĩnh vực thủy sản; phải tìm cách hỗ trợ thông tin cho đồng bào dân tộc qua hệ thống báo chí...

Hội nghị tổng kết công tác nuôi trồng thủy sản miền núi năm 2000 sẽ tổ chức vào tháng 12/2000, tại Hà Giang.

THỦ TRƯỞNG NGUYỄN NGỌC HỒNG THAM GIA ĐOÀN CÔNG TÁC CỦA CHÍNH PHỦ THĂM VÀ LÀM VIỆC TẠI VÙNG BIỂN PHÍA NAM

Từ 7-12/8/2000, Phó Thủ tướng Nguyễn Mạnh Cầm đã thăm và làm việc tại các tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Thuận và Kiên Giang. Thứ trưởng Bộ Thủy sản Nguyễn Ngọc Hồng cũng lãnh đạo các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Quốc Phòng, Tổng cục Du lịch, Ban Biên giới Chính phủ đã cùng đi với Phó Thủ tướng.

Đoàn đã thăm và làm việc tại các đảo Côn Đảo (Bà Rịa-Vũng Tàu), Phú Quý (Bình Thuận), Phú Quốc, Thổ Chu, Nam Du (Kiên Giang). Thứ trưởng Nguyễn Ngọc Hồng đã cùng các đồng chí lãnh đạo địa phương giới thiệu với Phó Thủ tướng và đoàn các cảng cá đang và đã được xây dựng theo chương trình của ngành thủy sản đã trình Chính phủ. Cảng cá Bến Đầm (Côn Đảo), Phú Quý (Bình Thuận), An Thới, Nam Du, Thổ Chu (Kiên Giang).

Tại những nơi đến thăm và làm việc, Phó Thủ tướng đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của việc khai thác tiềm năng hải sản, đầu tư cho công tác đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, cũng như kết hợp giữ thủy sản, du lịch và an ninh quốc phòng.

THÊM MỘT CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN

Công ty cổ phần thủy sản I được thành lập theo Quyết định số 15/2000/QĐ-TTg ngày 31/1/2000 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở Xí nghiệp mặt hàng mới thuộc Tổng công ty thủy sản Việt Nam. Ngày 25/7/2000 Công ty đã giới thiệu mẫu dấu và chữ kí các chức danh của công ty. Bà Nguyễn Thị Bạch Nhạn được cử giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc công ty. ■